

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt, bãi bỏ các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Hà Nội tại Tờ trình số 950/TTr- SGTVT ngày 9/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 54 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, trong đó: 51 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đường bộ, 02 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính hoạt động xây dựng, 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

Bãi bỏ 52 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, trong đó: 49 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đường bộ, 02 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính hoạt động xây dựng, 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải Hà Nội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Các quy trình nội bộ: Từ QT.05-09.2020 đến QT.07-09.2020 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 4507/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội; từ QT.02-05.2021 đến QT.06-05.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội; QT.01-02.2023, QT.02-02.2023, QT.18-02.2023, QT.19-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội; QT.01-05.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3432/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội; từ QT-19 đến QT-22, từ QT-25 đến QT-27, từ QT-52 đến QT-60 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội; từ QT-01 đến QT-05, từ QT-07 đến QT-18 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội; từ QT-01 đến QT-04, QT-09 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội; QT-03 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Bí thư Thành ủy, các PBT Thành ủy;
- Chủ tịch, các PCT HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- VP UBTP: CVP, PCVP C.N.Trang, các phòng: KSTTHC, ĐT, TTĐT;
- Trung tâm báo chí thủ đô Hà Nội;
- Lưu: VT, KSTTHC_(Quyển)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Minh Hải

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban UBND thành phố Hà Nội)

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ	
1.	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	QT-01
2.	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế	QT-02
3.	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động	QT-03
4.	Cấp mới Giấy phép lái xe	QT-04
5.	Cấp lại Giấy phép lái xe	QT-05
6.	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	QT-06
7.	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	QT-07
8.	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	QT-08
9.	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	QT-09
10.	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	QT-10
11.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	QT-11
12.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	QT-12
13.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	QT-13
14.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	QT-14
15.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	QT-15

16.	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	QT-16
17.	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT-17
18.	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến	QT-18
19.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	QT-19
20.	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	QT-20
21.	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	QT-21
22.	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	QT-22
23.	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	QT-23
24.	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	QT-24
25.	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	QT-25
26.	Cấp Giấy phép xe tập lái	QT-26
27.	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	QT-27
28.	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	QT-28
29.	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	QT-29
30.	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	QT-30
31.	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2	QT-31
32.	Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động	QT-32
33.	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	QT-33
34.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	QT-34
35.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc	QT-35

	Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	
36.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	QT-36
37.	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	QT-37
38.	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	QT-38
39.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	QT-39
40.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	QT-40
41.	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	QT-41
42.	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	QT-42
43.	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	QT-43
44.	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	QT-44
45.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	QT-45
46.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	QT-46
47.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	QT-47
48.	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	QT-48
49.	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến	QT-49

	vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
50.	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	QT-50
51.	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	QT-51
II	HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG	
1	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	QT-52
2	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	QT-53
III	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	
1	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	QT-54

Phụ lục 2
NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Quy trình Cấp Giấy phép lái xe quốc tế (QT-01)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp giấy phép lái xe quốc tế.
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu cấp giấy phép lái xe quốc tế. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cấp, sử dụng GPLX quốc tế; 2. Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 3. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 5. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 6. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. 7. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc

	thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lái xe quốc tế theo mẫu;	X		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích. 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
3.7.1	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp			
B1	Nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) để thực hiện kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của việc cấp IDP, có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2

B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu GPLX, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-

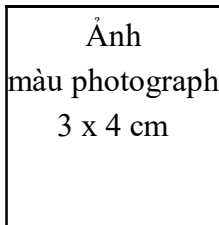
				BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
3.7.2	Trường hợp sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình (sử dụng phần mềm do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao)			
B1	Nộp hồ sơ trực tuyến: cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai, phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp GPLX thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	Đủ các trường thông tin được hướng dẫn trên màn hình trực tuyến
B2	Tra cứu Giấy phép lái xe	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1 ngày làm việc	Thông tin từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
B3	Thẩm định hồ sơ trực tuyến	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 giờ	Thông tin từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

B4	Trình Lãnh đạo Sở ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B5	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-BGTVT
B6	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-BGTVT
B7	Trả kết quả cho cá nhân qua đường bưu điện	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-BGTVT
B8	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none"> Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. Đơn đề nghị cấp giấy phép lái xe quốc tế. Giấy phép lái xe quốc tế. 			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL DRIVING
PERMIT



Kính gửi (To):.....

Tôi là (Full name):

Ngày tháng năm sinh (date of birth)

Số hộ chiếu (Passport No.)cấp ngày (Issuing date): ngày (date):
tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....

hoặc Số định danh cá nhân (personal identification No.):.....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current driving licence No.):

Cơ quan cấp (Issuing Office):

Tại (Place of issue):

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng (month)..... năm (year).....

Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Reason of application for International driving permit):
.....

....., date..... month.....
year.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Signature and Full name)

2. Quy trình Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế (QT-02)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp lại giấy phép lái xe quốc tế.		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân bị mất hoặc hư hỏng Giấy phép lái xe quốc tế có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe quốc tế. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cấp, sử dụng GPLX quốc tế;</p> <p>2. Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cấp, sử dụng GPLX quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>3. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024;</p> <p>4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng;</p> <p>5. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến;</p> <p>6. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p> <p>7. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lái xe quốc tế theo mẫu;	X	

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích. 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
3.7.1	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp			
B1	Nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) để thực hiện kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của việc cấp IDP, có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp GPLX khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư

				29/2015/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
3.7.2	Trường hợp sử dụng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình (sử dụng phần mềm do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao)			
B1	Nộp hồ sơ trực tuyến: cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai, phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	Đủ các trường thông tin được hướng dẫn trên màn hình trực tuyến
B2	Tra cứu Giấy phép lái xe	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1 ngày làm việc	Thông tin từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
B3	Thẩm định hồ sơ trực tuyến	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà	0,5 giờ	Thông tin từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

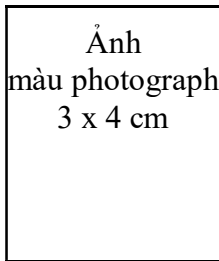
		Nội		
B4	Trình Lãnh đạo Sở ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B5	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-BGTVT
B6	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-BGTVT
B7	Trả kết quả cho cá nhân qua đường bưu điện	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-BGTVT
B8	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư

	thực hiện TTHC			01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none">1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.2. Đơn đề nghị cấp giấy phép lái xe quốc tế.3. Giấy phép lái xe quốc tế.			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL DRIVING
PERMIT



Kính gửi (To):.....

Tôi là (Full name):

Ngày tháng năm sinh (date of birth)

Số hộ chiếu (Passport No.)cấp ngày (Issuing date): ngày (date):

tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....

hoặc Số định danh cá nhân (personal identification No.):.....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current driving licence No.):

Cơ quan cấp (Issuing Office):

Tại (Place of issue):

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng (month)..... năm (year).....

Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Reason of application for International driving permit:

.....

....., date..... month..... year.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Signature and Full name)

3. Quy trình Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động (QT-03).

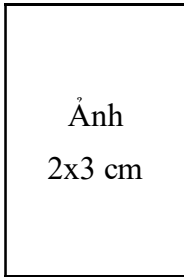
1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp cơ sở đào tạo không còn hoạt động.		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp cơ sở đào tạo không còn hoạt động. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Thông tư số 06/2011/TT - BGTVT ngày 07/03/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ;</p> <p>2. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024;</p> <p>3. Thông tư Liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Liên Bộ Tài chính - Giao thông vận tải Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>4. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p> <p>5. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;	X	
	- 03 ảnh màu cỡ 2 x3, chụp không quá 6 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.	X	

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	2,5 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích. 			
3.6	Phí, lệ phí			
	30.000 đồng/lần			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B5	Tra cứu, xác minh, thẩm định hồ sơ, in Chứng chỉ.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 7 Thông tư 06/2011/TT-BGTVT.
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký chứng chỉ; Hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào chứng chỉ)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; Phụ lục 7, Thông tư 06/2011/TT-BGTVT
B7	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 7 Thông tư 06/2011/TT-BGTVT.
B8	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 7 Thông tư 06/2011/TT-BGTVT.
B9	Thống kê và theo dõi	Chuyên viên Sở	Giờ hành	Mẫu số 05,

	Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Giao thông vận tải Hà Nội	chính	06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Mẫu Chứng chỉ 3. Mẫu Đơn đề nghị đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ 			

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC
PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG
ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi:

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:.....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Hiện tôi đã có Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do
..... cấp

Số Chứng chỉ: cấp ngày tháng năm

Lý do xin đổi, cấp lại:

Đề nghị đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao
thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

4. Quy trình Cấp mới Giấy phép lái xe (QT-04)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp mới giấy phép lái xe		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu cấp mới giấy phép lái xe. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>2. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024.</p> <p>3. Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Bổ sung, sửa đổi Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT</p> <p>4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng;</p> <p>5. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p> <p>6. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<i>* Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu</i>		
	- Hồ sơ do người học lái xe nộp:		
	+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	+ Bản sao thẻ tạm trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;		X

	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.	X	
	- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:		
	+ Hồ sơ của người học lái xe;	X	
	+ Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng A4, B1, B2 và C;	X	
	+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.	X	
	* Đối với người dự sát hạch nâng hạng Giấy phép lái xe lên hạng B1 số, B2, C, D, E và các hạng F		
	- Hồ sơ do người học lái xe nộp:		
	+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	+ Bản sao thẻ tạm trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;		X
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.	X	
	+ Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dự sát hạch);		X
	+ Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn theo mẫu.	X	
	- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:		
	+ Hồ sơ của người học nâng hạng Giấy phép lái xe;	X	
	+ Chứng chỉ đào tạo nâng hạng;	X	
	+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng.	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		

3.4	Thời gian xử lý			
	<p>* Thời gian cấp Giấy phép lái xe: 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và trả giấy phép lái xe sau khi người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.</p> <p>* Đối với trường hợp sử dụng Dịch vụ công toàn trình: Cá nhân đạt kết quả sát hạch có nhu cầu nhận Giấy phép lái xe tại nhà: Trong vòng 03 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch, thực hiện đăng ký qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội.</p>			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<p>- Người học lái xe nộp hồ sơ, nhận kết quả tại cơ sở đào tạo lái xe.</p> <p>- Cơ sở đào tạo lái xe nộp hồ sơ, nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải.</p> <p>* Đối với trường hợp sử dụng Dịch vụ công toàn trình:</p> <p>- Đăng ký nhận GPLX trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.</p> <p>- Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.</p>			
3.6	Phí, lệ phí			
	<p>- Phí sát hạch lái xe:</p> <p>+ Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần; Sát hạch thực hành: 60.000 đồng/lần.</p> <p>+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần; Sát hạch trong hình: 350.000 đồng/lần; Sát hạch trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần; Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần.</p> <p>- Lệ phí cấp GPLX: 135.000 đồng/lần.</p>			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ	Cơ sở đào tạo	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng	Bộ phận một cửa -	Tạm	Mẫu số 05,

	chuyên môn	Sở Giao thông vận tải Hà Nội	dùng quy trình cho đến khi có kết quả sát hạch	Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý (Tiếp tục giải quyết sau khi có kết quả sát hạch).	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Lập Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, trình Trưởng phòng.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT-BGTVT
B6	Thẩm định, ký nháy Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, trình Lãnh đạo Sở.	Trưởng phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT-BGTVT
B7	Ký Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch.	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT-BGTVT
B8	Lập Báo cáo đề xuất về việc	Chuyên viên - Sở	0,25 ngày	Mẫu số 05,

	cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe, trình Trưởng phòng.	Giao thông vận tải Hà Nội	làm việc	Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; - Báo cáo đề xuất
B9	Ký phê duyệt báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe.	Trưởng phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; - Báo cáo đề xuất
B10	Giao báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe đã được phê duyệt, hồ sơ kỳ sát hạch, hồ sơ người dự sát hạch cho bộ phận in GPLX.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; - Báo cáo đề xuất
B11	Đồng bộ Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch lên Cổng Dịch vụ Công Quốc gia.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT-BGTVT
B12	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B13	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-

				VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B14	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B15	Trả kết quả cho cơ sở đào tạo hoặc nhân viên Bưu điện (đối với trường hợp sử dụng Dịch vụ công toàn trình)	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B16	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none"> Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe. Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn. Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch. 			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu 3
cm x 4 cm
chụp không
quá 06 tháng

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi:.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã có giấy phép lái xe số:.....hạng.....

do:..... cấp ngày: /.... /

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch đề cấp giấy phép lái xe hạng:

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có không

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số:, hạng

do: cấp ngày: / /

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có năm lái xe và có
km lái xe an toàn.

Đề nghị cho tôi được dự sát hạch nâng
 hạng lấy giấy phép lái xe hạng

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ, tên)

5. Quy trình Cấp lại Giấy phép lái xe (QT-05)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp lại giấy phép lái xe		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>2. Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cấp, sử dụng GPLX quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>3. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024.</p> <p>4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng;</p> <p>5. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến;</p> <p>6. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p> <p>7. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Trường hợp Giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng:		
	+ Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu;	X	

	+ Bản sao thẻ tạm trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;		X
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.	X	
	- Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 3 tháng:		
	+ Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	+ Hồ sơ gốc phù hợp với giấy phép lái xe (nếu có);	X	
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp cấp lại giấy phép lái xe không thời hạn các hạng A1, A2, A3;	X	
	- Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý:		
	+ Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	+ Bản chính hồ sơ gốc của giấy phép lái xe bị mất (nếu có);	X	
	+ Bản sao thẻ tạm trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;		X
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Trường hợp cấp lại GPLX bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng: + Sau thời gian 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ, chụp ảnh và nộp lệ phí theo quy định, nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, thì được cấp lại giấy phép lái xe; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được xét cấp lại giấy phép lái xe, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại giấy phép lái xe và trả giấy phép lái xe		

	<p>khi người lái xe đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe; trường hợp không cấp lại giấy phép lái xe thì phải trả lời và nêu rõ lý do.</p> <p>- Trường hợp cấp lại Giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng; GPLX bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên: 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và trả giấy phép lái xe sau khi người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.</p>			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.</p> <p>- Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.</p>			
3.6	Phí, lệ phí			
	<p>- Phí sát hạch lái xe:</p> <p>+ Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần; Sát hạch thực hành: 60.000 đồng/lần.</p> <p>+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần; Sát hạch trong hình: 350.000 đồng/lần; Sát hạch trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần.</p> <p>- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: Đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).</p>			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
3.7.1	Trường hợp giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng:			
B1	<p>Nộp hồ sơ</p> <p>+ Nộp hồ sơ trực tiếp.</p> <p>+ Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>Có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.</p>	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II,

	ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	tải Hà Nội		Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh GPLX, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; QLPTNL.07-BM01
B6	Trình Trưởng phòng ký Thông báo dự sát hạch lại (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn	2,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; QLPTNL.07-BM01
B7	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; QLPTNL.07-BM01

B8	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; QLPTNL.07- BM01.
B9	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phần một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B10	Cá nhân nộp hồ sơ dự sát hạch lại tại cơ sở đào tạo	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2 kèm theo QLPTNL.07- BM01
B11	Nộp hồ sơ	Cơ sở đào tạo	Giờ hành chính	Hồ sơ sát hạch lại
B12	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 01 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP;
B13	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B14	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B15	Lập Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, trình Trưởng phòng.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-

				VPCP ; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT- BGTVT
B16	Thẩm định, ký nháy Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, trình Lãnh đạo Sở.	Trưởng phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP ; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT- BGTVT
B17	Ký Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch.	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP ; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT- BGTVT
B18	Lập Báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe, trình Trưởng phòng.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; - Báo cáo đề xuất
B19	Ký phê duyệt báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe.	Trưởng phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; - Báo cáo đề xuất
B20	Giao báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II,

	trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe đã được phê duyệt, hồ sơ kỳ sát hạch, hồ sơ người dự sát hạch cho bộ phận in Giấy phép lái xe.	Hà Nội		Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; - Báo cáo đề xuất
B21	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B22	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B23	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B24	Trả kết quả cho công dân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT

B25	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
3.7.2	Trường hợp GPLX bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng:			
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp GPLX khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tạm dừng xử lý, chờ có kết quả xác minh GPLX không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý.		Chờ kết quả xác minh	

B6	Tra cứu, xác minh GPLX, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc (thực hiện trước 2,5 ngày làm việc tính đến ngày hẹn trả kết quả)	Mẫu số 02, 03, 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B7	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B8	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B9	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B10	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;

	việc)).			Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B11	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
3.7.3	Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên:			
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B5	Tạm dừng xử lý, chờ có kết quả xác minh Giấy phép lái xe không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý.		Chờ kết quả xác minh	

B6	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	3 ngày làm việc (thực hiện trước 1,5 ngày làm việc tính đến ngày hẹn trả kết quả)	Mẫu số 02, 03, 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; QLPTNL.07-BM01
B7	Trình Trưởng phòng ký Thông báo dự sát hạch lại (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình; QLPTNL.07-BM01
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; QLPTNL.07-BM01
B9	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; QLPTNL.07-BM01.
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B11	Cá nhân nộp hồ sơ dự sát hạch lại tại cơ sở đào tạo	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2 kèm theo QLPTNL.07-BM01
B12	Nộp hồ sơ	Cơ sở đào tạo	Giờ hành chính	Hồ sơ sát hạch lại
B13	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 01 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B14	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B15	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B16	Lập Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, trình Trưởng phòng.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT-BGTVT
B17	Thẩm định, ký nháy Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, trình Lãnh đạo Sở.	Trưởng phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; - Phụ lục 16a, Thông tư

				12/2017/TT-BGTVT
B18	Ký Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch.	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT-BGTVT
B19	Lập Báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe, trình Trưởng phòng.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; - Báo cáo đề xuất
B20	Ký phê duyệt báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe.	Trưởng phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; - Báo cáo đề xuất
B21	Giao báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe đã được phê duyệt, hồ sơ kỳ sát hạch, hồ sơ người dự sát hạch cho bộ phận in Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; - Báo cáo đề xuất
B22	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình

B23	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B24	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B25	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B26	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none"> Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe. Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. 			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có không

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN*(Ký và ghi rõ họ, tên)**Ghi chú:**(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

6. Quy trình Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp (QT-06)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>2. Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cấp, sử dụng GPLX quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>3. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024.</p> <p>4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng;</p> <p>5. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến;</p> <p>6. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p> <p>7. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe theo mẫu;	X	

	- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;	X		
	- Bản sao giấy phép lái xe và hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).		X	
<i>Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ tương ứng theo quy định)</i>				
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử). - Trường hợp sử dụng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định. 			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích. 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
3.7.1	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp			
B1	Nộp hồ sơ và có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2

	tiếp nhận hồ sơ theo quy định.			
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;

				Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
3.7.2	Trường hợp sử dụng Dịch vụ công trực tuyến một phần (sử dụng phần mềm của Cục Đường bộ Việt Nam)			
B1	Nộp hồ sơ trực tuyến và có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	Đủ các trường thông tin được hướng dẫn trên màn hình trực tuyến
B2	Thông báo qua hòm thư điện tử tới công dân	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Lịch hẹn trực tuyến hoặc lý do bị từ chối
B3	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	Trước lich hẹn trực tuyến 2 ngày làm việc	Hòm thư điện tử
B4	Nộp hồ sơ trực tiếp theo lịch hẹn trực tuyến tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2

B5	Tiếp nhận hồ sơ theo lịch hẹn, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn giờ.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,5 giờ	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,5 giờ	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B8	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,25 giờ	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B9	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 giờ	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B10	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,25 giờ	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B11	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-

				VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B12	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
3.7.3	Trường hợp sử dụng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình (sử dụng phần mềm của Cục Đường bộ Việt Nam)			
B1	Đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	Đủ các trường thông tin được hướng dẫn trên màn hình trực tuyến
B2	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	
B3	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	
B4	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B5	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Tờ trình

B6	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B7	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B8	Trả kết quả trực tiếp cho công dân hoặc nhân viên Bưu điện (theo nhu cầu của công dân đăng ký trên Cổng Dịch vụ công).	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B9	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none"> Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe. Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. 			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có không

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

7. Quy trình Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp (QT-07)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>2. Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cấp, sử dụng GPLX quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>3. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024.</p> <p>4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng;</p> <p>5. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến;</p> <p>6. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p> <p>7. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe mô tô do ngành công an cấp trước ngày 01/8/1995:		

	+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	+ Hồ sơ gốc (nếu có);	X	
	- Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01/8/1995:		
	+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	+ Bản sao giấy phép lái xe; Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi không tiếp tục phục vụ trong lực lượng Công an xã hoặc bản sao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên của các đơn vị trong Công an nhân dân;	X	
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;		X
	- Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp cho học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân trước ngày 31/7/2020:		
	+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;	X	
	+ Bản sao Quyết định công nhận tốt nghiệp của các Trường, Học viện trong Công an nhân dân;		X
	+ Hồ sơ gốc do ngành Công an cấp, gồm: Đơn đề nghị sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác; Giấy Chứng nhận sức khỏe của người lái xe; Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe.	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		

	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích. 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp GPLX khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng QLPTNL	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư

		GTVT		01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh GPLX, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: GPLX.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT

B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe. 3. Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. 			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có không

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

8. Quy trình Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp (QT-08)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 2. Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cấp, sử dụng GPLX quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 3. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024. 4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 5. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 6. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. 7. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

	- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;		X	
	- Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội do Thủ trưởng cấp Trung đoàn trở lên ký. Đối với lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp quốc phòng: Bản sao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký.			X
	- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3.		X	
	- Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng.			X
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.</p> <p>- Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.</p>			
3.6	Phí, lệ phí			
	Đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2

	Có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.			
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;

				Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none"> Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe. Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. 			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có không

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

9. Quy trình Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp (QT-09)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 2. Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cấp, sử dụng GPLX quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 3. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024. 4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 5. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 6. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. 7. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

	- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;	X		
	- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; đối với người Việt Nam xuất trình hợp pháp hóa lãnh sự giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, trừ các trường hợp được miễn trừ theo quy định của pháp luật;	X		
	- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định; trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;	X		
	- Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ; bản sao giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam đối với người nước ngoài.		X	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích. 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời	Biểu

			gian	mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình

B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

- | | |
|--|---|
| | 2. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe.
3. Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. |
|--|---|

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày/...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có không

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence- Freedom - Happiness****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE****(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)**Kính gửi (To): Sở Giao thông vận tải...
(Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....

Ngày tháng năm sinh (date of birth)

Số hộ chiếu (Passport No.)cấp ngày (Issuing date): ngày (date):
tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driver,s Licence No.):.....

Cơ quan cấp (Issuing Office):.....

Tại (Place of issue):.....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month).....năm (year).....

Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of
staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Ghi chú (note): Gửi kèm theo đơn (Documents enclosed as follows)

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport
(included pages: full name, photograph, valid visa)] (Đối với trường hợp chưa có số
định danh cá nhân (In case there is no personal indentification No.).

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is
correct and true.

....., ngày (date) tháng (month) năm (year).....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)*(Ký và ghi rõ họ, tên)**(Signature and Full name)*

10. Quy trình Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam (QT-10)

1	<p>Mục đích:</p> <p>Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam</p>
2	<p>Phạm vi:</p> <p>Áp dụng đối với khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam có nhu cầu đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.</p>
3	<p>Nội dung quy trình</p>
3.1	<p>Cơ sở pháp lý</p>
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 2. Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cấp, sử dụng GPLX quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 3. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024. 4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 5. Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 5. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 6. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. 7. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành

	phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;	x	
	- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh;	x	
	- Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;		x
	- 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích. 		
3.6	Phí, lệ phí		
	Đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).		

3.7 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp GPLX khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh GPLX, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình

B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none"> Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ (Dùng cho người nước ngoài). Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. 			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence- Freedom - Happiness****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE****(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)**Kính gửi (To): Sở Giao thông vận tải...
(Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....

Ngày tháng năm sinh (date of birth)

Số hộ chiếu (Passport No.)cấp ngày (Issuing date): ngày (date):
tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driver,s Licence No.):.....

Cơ quan cấp (Issuing Office):.....

Tại (Place of issue):.....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month).....năm (year).....

Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of
staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Ghi chú (note): Gửi kèm theo đơn (Documents enclosed as follows)

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport
(included pages: full name, photograph, valid visa)] (Đối với trường hợp chưa có số
định danh cá nhân (In case there is no personal indentification No.).

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is
correct and true.

....., ngày (date) tháng (month) năm (year).....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)*(Ký và ghi rõ họ, tên)**(Signature and Full name)*

11. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu (QT-11)

1	<p>Mục đích:</p> <p>Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu.</p>		
2	<p>Phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội. 		
3	<p>Nội dung quy trình</p>		
3.1	<p>Cơ sở pháp lý</p>		
	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội 		
3.2	<p>Thành phần hồ sơ</p>	<p>Bản chính</p>	<p>Bản sao</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu; - Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau): <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; 	<p style="text-align: center;">x</p> <p style="text-align: center;">x</p>	

<p>+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):</p> <p>+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.</p> <p>+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.</p> <p>+ Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT .</p> <p>+ Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:</p> <p>* Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>* Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.</p>		
--	--	--

	<p>+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng</p> <p>* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;</p> <p>* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).</p> <p>- Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng; giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (đối với trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn kiểm tra: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;</p> <p>- Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị;</p> <p>- Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.</p>		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<p>- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.</p> <p>- Đăng ký dịch vụ công trực tuyến</p>		
3.6	Phí, lệ phí		
	Lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.		

3.7 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải	Cá nhân	Giờ hành chính	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản giấy (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa; - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu. - Hồ sơ đầy đủ theo quy định: liên hệ với chủ sở hữu để: cập nhật thông tin chính xác nơi đặt máy; hẹn thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng; trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 ngày	

	<p>sơ chờ đơn vị sắp xếp phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra.</p> <p>Trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: sau khi cập nhật thông tin địa chỉ nơi đặt máy do đơn vị cung cấp, chuyên viên trình lãnh đạo ký văn bản đề nghị Sở GTVT nơi xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng.</p>			
B5	Kiểm tra xe máy chuyên dùng (trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra)	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày hẹn kiểm tra	Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng
B6	<p>- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.</p>	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	2,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Văn thư Sở	1 giờ	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	2 giờ	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe

				máy chuyên dùng
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
.....
3. Số CCCD hoặc CMND:
.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
..... ngày cấp.....; Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú / trụ sở:
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
.....
Ngày cấp.....; Nơi cấp.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW)...
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng:(kg).....
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải Hà Nội xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

Phản ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

* chỉ dán trả số động cơ của máy chính

- Đăng ký lần đầu

- Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp
.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

12. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn (QT-12)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng theo mẫu; - Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực); - Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):	x x	x

	<ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; + Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; + Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; + Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. <p>- Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước. + Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu. + Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư 05/2024/TT-BGTVT . <p>+ Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; * Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức 	
--	--	--

	<p>thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng</p> <p>* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;</p> <p>* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).</p> <p>- Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng, giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn kiểm tra: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;</p> <p>- Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị;</p> <p>- Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.</p>		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<p>- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.</p> <p>- Đăng ký dịch vụ công trực tuyến</p>		
3.6	Phí, lệ phí		

	Lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải	Cá nhân	Giờ hành chính	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu. - Hồ sơ đầy đủ theo quy định: liên hệ với chủ sở hữu để: cập nhật thông tin chính xác nơi đặt máy; hẹn thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng;	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 ngày	

	<p>trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra.</p> <p>Trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: sau khi cập nhật thông tin địa chỉ nơi đặt máy do đơn vị cung cấp, chuyên viên trình lãnh đạo ký văn bản đề nghị Sở GTVT nơi xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng.</p>			
B5	Kiểm tra xe máy chuyên dùng (trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra).	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày hẹn kiểm tra	Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng
B6	<p>- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.</p>	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	2,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Văn thư Sở	1 giờ	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	2 giờ	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
..... ngày cấp.....; Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú / trụ sở:
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
Ngày cấp; Nơi cấp.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW)...
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng:(kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người khai

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trả số động cơ)

* chỉ dán trả số động cơ của máy chính

(Dán trả số khung)

Biển số đề nghị cấp:.....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

13. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng (QT-13)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu; - Giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) là một trong những giấy tờ sau: + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; 	x	

<p>+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;</p> <p>+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Quyết định xuất, bản hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) là một trong những giấy tờ sau:</p> <p>+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.</p> <p>+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.</p> <p>+ Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư 05/2024/TT-BGTVT .</p> <p>+ Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:</p> <p>* Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>* Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp</p>	
--	--

	<p>xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng</p> <p>* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;</p> <p>* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).</p>			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<p>- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.</p> <p>- Đăng ký dịch vụ công trực tuyến</p>			
3.6	Phí, lệ phí			
	Lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm theo biển số: 70.000 đồng/lần/phương tiện.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<p>+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội.</p> <p>+ Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải</p>	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo quy định
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	-Mẫu số 01, mẫu số 03

	<p>phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC;</p> <p>- Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.</p>			theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	<p>Bàn giao hồ sơ:</p> <p>Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)</p>	<p>- Chuyên viên trực một cửa</p> <p>- Chuyên viên phòng QLVT</p>	1 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>- Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại.</p> <p>- Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu.</p>	Chuyên viên phòng QLVT	1 ngày làm việc	
B5	<p>- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.</p>	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng QLVT, Chuyên viên phòng QLVT	1,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký, tạm thời xe máy chuyên dùng
B6	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng QLVT, Văn thư Sở	0,5 giờ	Giấy chứng nhận đăng ký, tạm thời xe máy chuyên dùng
B7	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng QLVT; Chuyên viên Bộ phận một cửa	2,5 giờ	mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký, tạm thời xe máy chuyên dùng

B9	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<p>1. Mẫu Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng</p> <p>2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p>			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
..... ngày cấp.....; Nơi cấp.....
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
Ngày cấp; Nơi cấp.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW)...
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng:(kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biên số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người khai

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

Số đăng ký tạm thời: cấp ngày..... Tháng năm.....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng kèm hồ sơ 01 bản;

- 01 Lưu tại Sở Giao thông vận tải 01 bản

14. Quy trình Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng (QT-14)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng; - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp; - Bản chính Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải đối với trường hợp xe máy chuyên dùng cải tạo; 	x	

	- Quyết định hoặc giấy tờ về việc thay đổi do cơ quan có thẩm quyền cấp đổi với trường hợp chủ sở hữu thay đổi thông tin liên quan (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	<p>Trường hợp thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký hoặc biển số bị hỏng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định; + Cấp đổi biển số: trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định. <p>- Trường hợp cải tạo, thay đổi màu sơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; + Thời hạn kiểm tra: 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. + Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký. 			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến 			
3.6	Phí, lệ phí			
	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện; - Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện; - Lệ phí đóng lại số khung, số máy: 50.000 đồng/lần/phương tiện. 			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

3.7.1	Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký do: thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký bị hỏng:			
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải	Cá nhân	Giờ hành chính	Tờ khai đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa - Chuyên viên phòng QLVT	2 Giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu.	Chuyên viên phòng QLVT	2 giờ	
B6	- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng; - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng QLVT, Chuyên viên phòng QLVT	2 ngày làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên	2 giờ	Giấy chứng

		phòng QLVT, Văn thư Sở		nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng QLVT Chuyên viên Bộ phận một cửa	2 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
3.7.2	Trường hợp cấp đổi Biển số bị hỏng:			
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải	Cá nhân	Giờ hành chính	Tờ khai đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa - Chuyên viên phòng QLVT	1 Giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu.	Chuyên viên phòng QLVT	2 giờ	
B5	Dự thảo, trình và ký duyệt văn bản gửi Cục Đường bộ Việt Nam đề nghị cấp biển	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng QLVT, Chuyên viên phòng QLVT	3 ngày làm việc	
B6	Thực hiện và phối hợp theo trình tự hướng dẫn của cơ quan cấp biển số; chờ đơn vị cung cấp, cấp phát, sản xuất và bàn giao biển số theo đề nghị. (Tạm dừng hồ sơ chờ trong trường hợp biển số chưa được cấp phát do nguyên nhân khách quan chưa nhận được biển số).	Lãnh đạo, Chuyên viên phòng QLVT và Văn phòng Sở	10 ngày làm việc	
B7	Trình và ký duyệt hồ sơ cấp đổi biển số xe máy chuyên dùng.	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng QLVT, Chuyên viên phòng QLVT	1,5 ngày làm việc	
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa (sau khi nhận được biển số theo đề nghị)	Chuyên viên phòng QLVT Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Biển số xe máy chuyên dùng

B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
3.7.3	Trường hợp cải tạo, thay đổi màu sơn:			
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải	Cá nhân	Giờ hành chính	Tờ khai đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa - Chuyên viên phòng QLVT	1,5 Giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu. - Trường hợp cải tạo, đổi màu sơn xe: liên hệ với chủ sở hữu để cập nhật thông tin chính xác nơi đặt máy và hẹn thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng;	Chuyên viên phòng QLVT	1 ngày làm việc	

B5	<p>- Trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp, bố trí phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra.</p> <p>- Trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: sau khi cập nhật thông tin địa chỉ nơi đặt máy do đơn vị cung cấp (trường hợp vì một số lý do đơn vị chưa cung cấp được địa chỉ thì tạm dừng hồ sơ, chờ đơn vị cung cấp địa chỉ), chuyên viên trình lãnh đạo ký văn bản đề nghị Sở GTVT nơi xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết đề nghị hỗ trợ kiểm tra xe máy chuyên dùng. (Sau khi gửi văn bản đi, tạm dừng hồ sơ chờ kết quả kiểm tra).</p>	Chuyên viên phòng QLVT	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày hẹn kiểm tra	Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng
B6	<p>- Tiếp tục hồ sơ sau khi nhận được kết quả kiểm tra XMCD. Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.</p>	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng QLVT, Chuyên viên phòng QLVT	2,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng QLVT, Văn thư Sở	1 giờ	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng QLVT Chuyên viên Bộ phận một cửa	1,5 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
<p>1. Mẫu Tờ khai đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng</p> <p>2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p>				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
..... ngày cấp.....; Nơi cấp.....
- Địa chỉ thường trú / trụ sở:
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
Ngày cấp; Nơi cấp.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW)
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng:(kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là..... do Sở Giao thông vận tải cấp ngày tháng năm.....
Lý do xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:.....
Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

Cấp theo đăng ký, biển số cũ:

....., ngày..... tháng.....

năm.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;

15. Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất (QT-15)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu; - Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký theo mẫu. 	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		

	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn Sở thực hiện đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn đăng tải: 15 ngày; - Thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký: 3 ngày làm việc kể từ ngày hết thời gian đăng tải. 			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến 			
3.6	Phí, lệ phí			
	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp lại giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện; - Lệ phí cấp lại giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện. 			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<ul style="list-style-type: none"> + Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải 	Cá nhân	Giờ hành chính	Tờ khai đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
B2	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ. 	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa - Chuyên viên phòng QLVT	1 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 ngày làm việc	
	Hồ sơ đủ điều kiện thực hiện đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn phòng Sở	2 ngày làm việc	
B5	Tạm dừng hồ sơ /Đăng thông tin 15 ngày trên website của Sở	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, chuyên viên Văn phòng Sở	15 ngày	
B6	- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký; biên số xe máy chuyên dùng
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Văn thư Sở	1 giờ	Giấy chứng nhận đăng ký; biên số xe máy chuyên dùng
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải Chuyên viên Bộ phận một cửa	2 giờ	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<p>1. Mẫu Tờ khai cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng</p> <p>2. Mẫu Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký</p> <p>2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p>			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
..... ngày cấp.....; Nơi cấp.....
- Địa chỉ thường trú / trụ sở:
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
Ngày cấp; Nơi cấp.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW)
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng:(kg).....
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là..... do Sở Giao thông vận tải cấp ngày tháng năm.....
Lý do xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:.....
Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai

Phân ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

Cấp theo đăng ký, biển số cũ:

....., ngày..... tháng.....

năm.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;

Mẫu Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO CÔNG KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số CMND (Căn cước hoặc hộ chiếu).....

Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú:.....

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....

Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....

Số động cơ:.....Số khung.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....

Nay tôi xin thông báo công khai, nếu ai có tranh chấp quyền sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng nêu trên xin gửi về Sở Giao thông vận tải.....

Sau 07 ngày kể từ khi đăng tải thông báo này, nếu không có tranh chấp, Sở Giao thông vận tải sẽ tiến hành làm thủ tục đăng ký cho tôi theo quy định của pháp luật.

Chủ phương tiện
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của đơn vị đăng thông báo:

Đã thực hiện thông báo công khai tại.....

Thời hạn thông báo là 07 ngày: Từ ngày.../.../.... đến ngày.../.../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị thông báo
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú:

Bản thông báo này được lưu trong hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải

16. Quy trình Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố (QT-16)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu; - Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau): + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; 	X	

	<ul style="list-style-type: none"> + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; + Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; + Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; + Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. <p>(Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp Xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính).</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn kiểm tra: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; - Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký 		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến 		
3.6	Phí, lệ phí		

	- Lệ phí cấp giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải	Cá nhân	Giờ hành chính	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu 01, mẫu số 03 số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên Bộ phận một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu. - Hồ sơ đầy đủ theo quy định: liên hệ với chủ sở hữu để: cập nhật thông tin chính xác nơi đặt máy; hẹn thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng;	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 ngày làm việc	

	<p>trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra.</p> <p>Trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: sau khi cập nhật thông tin địa chỉ nơi đặt máy do đơn vị cung cấp, chuyên viên trình lãnh đạo ký văn bản đề nghị Sở GTVT nơi xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng.</p>			
B5	Kiểm tra xe máy chuyên dùng (trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra)	Chuyên viên phòng QLVT	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày hẹn kiểm tra	Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng
B6	<p>- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.</p>	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng QLVT, Chuyên viên phòng QLVT	2,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Văn thư Sở	1 giờ	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	2 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
.....; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
.....; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

- Đăng ký lần đầu ;

Số biên số cũ (nếu có):.....Biên số đề nghị cấp

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

*Ghi chú: - Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

17. Quy trình Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (QT-17)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu; - Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau): + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; 	X	X

	<p>+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p> <p>(Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp Xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính).</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp.</p>					
3.3	Số lượng hồ sơ					
	01 bộ					
3.4	Thời gian xử lý					
	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.					
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả					
	<p>- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.</p> <p>- Đăng ký dịch vụ công trực tuyến</p>					
3.6	Phí, lệ phí					
	Không có					
3.7	Quy trình xử lý công việc					
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả		
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ	Cá nhân	Giờ hành	Theo quy		

	phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải		chính	định
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ:	- Chuyên viên trực một cửa - Chuyên viên phòng QLVT	1 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ. - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu.	Chuyên viên phòng QLVT	1 ngày làm việc	
B5	- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng (Chuyên viên phòng chuyên môn thu lại biển số của chủ sở hữu, cắt góc giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng trước khi trả kết quả hồ sơ di chuyển) - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng QLVT, Chuyên viên phòng QLVT	1,5 ngày làm việc	Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký

B6	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng QLVT, Văn thư Sở	1 giờ	Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký
B7	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng QLVT; Chuyên viên Bộ phận một cửa	2 giờ	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký
B9	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
 2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 3. Số CCCD hoặc CMND:
 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
.....; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
 6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 7. Số CCCD hoặc CMND:
 8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
.....; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
 10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
 11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
 12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
 13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
 18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Biển số đăng ký:.....Ngày cấp.....Cơ quan cấp.....
- Nay tôi xin được di chuyển xe máy chuyên dùng nói trên đến Sở Giao thông vận tải
.....để được tiếp tục đăng ký.

....., ngày.....tháng.....năm

Chủ phương tiện
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đi:

Đã di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng Biển đăng ký:..... đến Sở Giao thông vận tải:.....

..... ngày.....tháng.....năm

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:

- 01 Cho chủ sở hữu kèm hồ sơ;

- 01 Lưu tại Sở GTVT nơi di chuyển đi.

18. Quy trình Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến (QT-18)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định; - Bản chính Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp theo quy định kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký. 	x	x
3.3	Số lượng hồ sơ		

	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn kiểm tra: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;</p> <p>- Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị;</p> <p>- Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.</p>			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<p>- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.</p> <p>- Đăng ký dịch vụ công trực tuyến</p>			
3.6	Phí, lệ phí			
	Lệ phí cấp giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<p>+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội.</p> <p>+ Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải</p>	Cá nhân	Giờ hành chính	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng
B2	<p>- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC;</p> <p>- Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá</p>	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP

	nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.			
B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa - Chuyên viên phòng QLVT	1 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu. - Hồ sơ đầy đủ theo quy định: liên hệ với chủ sở hữu để: cập nhật thông tin chính xác nơi đặt máy; hẹn thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng; trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra. Trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: sau khi cập nhật thông tin địa chỉ nơi đặt máy do đơn vị cung cấp, chuyên viên trình lãnh đạo ký văn bản đề nghị Sở GTVT nơi xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng.	Chuyên viên phòng QLVT	1 ngày làm việc	
B5	Kiểm tra xe máy chuyên dùng (trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra)	Chuyên viên phòng QLVT	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày hẹn kiểm tra	Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng

B6	- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng QLVT, Chuyên viên phòng QLVT	2,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng QLVT, Văn thư Sở	1 giờ	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B8	Bàn giao Chuyên viên trực 1 cửa	Chuyên viên phòng QLVT Chuyên viên trực 1 cửa	2 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
.....; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
.....; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

- Đăng ký lần đầu ;

Số biên số cũ (nếu có):.....Biên số đề nghị cấp

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

*Ghi chú: - Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

19. Quy trình Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng (QT-19)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu; - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		

	- 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo quy định
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa; - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	5 giờ	

	<p>lại.</p> <p>- Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu.</p>			
B5	<p>- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.</p>	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 ngày làm việc	Thu lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
B6	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Văn thư Sở	1 giờ	Thu lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
B7	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Thu lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
B9	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<p>1. Mẫu Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng</p> <p>2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p>			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIÊN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
 2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 3. Số CCCD hoặc CMND:
 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
.....; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
 6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 7. Số CCCD hoặc CMND:
 8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
.....; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
 10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
 11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
 12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
 13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
 18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là.....
Do Sở Giao thông vận tải.....cấp ngày ...tháng...năm.....
Lý do xin thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:.....
Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
Đề nghị..... thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số
xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phân ghi của Sở Giao thông vận tải:

Số biên số:.....Ngày cấp:.....Số đăng ký quản lý.....

Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày .../...../

Lưu hồ sơ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.....

Cán bộ làm thủ tục

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;

- Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ 01 bản.

20. Quy trình Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (QT-20)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn Hà Nội có nhu cầu Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đối với phương tiện phi thương mại		
	+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu	x	
	+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện		x
	+ Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ		x

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích. 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	-Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu 02 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng	Bộ phận một cửa - Sở GTVT -	0,5 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ

	+ Hoạch dữ liệu hồ sơ điện tử	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải		sơ
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	-Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5 giờ	Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia. (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT- VPCP

B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép liên vận Việt Nam-Campuchia
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia theo mẫu 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:

.....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số: ngày cấp:

5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

21. Quy trình Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (QT-21)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn Hà Nội có nhu cầu Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho cho phương tiện phi thương mại - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đối với phương tiện phi thương mại		
	+ Giấy đề nghị Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho cho phương tiện phi thương mại	x	
	+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện.		x
	+ Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ		x
	* Trường hợp Giấy phép liên vận hết thời hạn sử dụng hoặc còn		

thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu: thành phần hồ sơ theo quy định đối với hoặc phương tiện phi thương mại nêu ở trên.				
* Trường hợp Giấy phép liên vận hư hỏng, bị mất:				
	Đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.			x
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích. 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	-Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 Thông tư 01/2018/TT- VPCP

	và ghi phiếu từ chối hồ sơ.			
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở GTVT – Chuyên viên phòng QLVT	0,5 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng QLVT	4 giờ	-Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng QLVT Văn Phòng Sở	0,5 giờ	-Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên trực 1 cửa	Chuyên viên phòng QLVT Chuyên viên trực 1 cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT- VPCP

B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép liên vận Việt Nam-Campuchia
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia theo mẫu 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:

.....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số: ngày cấp:

5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

22. Quy trình Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (QT-22)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đóng trên địa bàn địa phương có nhu cầu Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đối với phương tiện thương mại (vận tải hành khách tuyến cố định)		
	Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;	x	
	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc		x

	hợp đồng hợp tác kinh doanh;		
	Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia).		X
- Đối với xe phi thương mại:			
	Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.	X	
	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);		X
	Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích. 		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không		

3.7 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	-Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở GTVT – Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. - Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. - Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. - Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.(đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1.Mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại hoặc phương tiện phi thương mại 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO
VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số:..... Ngày cấp:.....
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất- nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
1									
2									
3									

6. Mục đích chuyến đi:
 - a) Công vụ:
 - b) Cá nhân:
 - c) Phục vụ hoạt động của tổ chức/cá nhân:
 - d) Mục đích khác:

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA CHO
PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:.....Ngày cấp:.....

5. Đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyên hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại
Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam)
Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:)
Cự ly vận chuyển: km
Hành trình tuyến đường:.....
Đã đượcthông báo khai thác tuyến tại công văn số ngày ... tháng ... năm ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

23. Quy trình Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (QT-23)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đóng trên địa bàn địa phương có nhu cầu Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đối với phương tiện thương mại (vận tải hành khách tuyến cố định)		
	Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;	x	
	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác		x

	xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;		
	Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia).		X
- Đối với xe phi thương mại:			
	Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.	X	
	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);		X
	Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích 		
3.6	Phí, lệ phí		

	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	-Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 2 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở GTVT – Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. -Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam,

				Lào và Campuchia. -Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. -Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			

- | | |
|--|--|
| | <ol style="list-style-type: none">1. Mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại hoặc phương tiện phi thương mại2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. |
|--|--|

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO
VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số:.....Ngày cấp:.....
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất-nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Mục đích chuyến đi:
- a) Công vụ:
 - c) Phục vụ hoạt động của tổ chức/cá nhân:

- b) Cá nhân:
- d) Mục đích khác:

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA
CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:.....Ngày cấp:.....

5. Đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyên hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại
Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam)
Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:)
Cự ly vận chuyển: km
Hành trình tuyến đường:.....
Đã đượcthông báo khai thác tuyến tại công văn số ngày ... tháng ... năm ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

24. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (QT-24)

1	<p>Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe</p>		
2	<p>Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân hoặc cơ sở đào tạo lái xe có nhu cầu cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.</p>		
3	<p>Nội dung quy trình</p>		
3.1	<p>Cơ sở pháp lý</p>		
	<p>1. Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; 2. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 3. Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. 4. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	<p>Thành phần hồ sơ</p>	<p>Bản chính</p>	<p>Bản sao</p>
	<p>- Cá nhân:</p>		
	<p>+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định;</p>	<p>X</p>	
	<p>+ Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);</p>		<p>X</p>
	<p>+ Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);</p>		<p>X</p>
	<p>Trường hợp Bằng tốt nghiệp, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc</p>		

	xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.			
	+ 01 (một) ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.			X
	- Cơ sở đào tạo:			
	+ Văn bản theo mẫu quy định;			X
	+ Hồ sơ cá nhân			X
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	<p>- Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe về Sở Giao thông vận tải: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn.</p> <p>- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, tổ chức kiểm tra, đánh giá.</p> <p>- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.</p>			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<p>- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.</p> <p>- Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích</p>			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Cá nhân hoặc cơ sở đào tạo lái xe	Trong và ngoài giờ hành	Theo mục 3.2

			chính	
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh GPLX, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	2,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Quyết định về việc tổ chức kiểm tra lớp tập huấn cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Quyết định về việc tổ chức kiểm tra lớp tập huấn cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
B7	Tổ chức kiểm tra, đánh giá lớp tập huấn cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.	- Tổ kiểm tra có tên trong Quyết định	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Quyết định về việc tổ chức kiểm tra lớp tập huấn cấp giấy

				chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
B8	Thẩm định kết quả kỳ kiểm tra lớp tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B9	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Quyết định công nhận kết quả lớp tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Quyết định công nhận kết quả lớp tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe;
B10	In: Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; Danh sách giáo viên dạy thực hành được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục III, VI Nghị định 65/2016/NĐ-CP.
B11	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; Hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào Giấy chứng nhận)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục III, VI Nghị định 65/2016/NĐ-CP.
B12	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục III, Nghị

				định 65/2016/NĐ-CP.
B13	Trả kết quả cho cá nhân/cơ sở đào tạo	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục III, Nghị định 65/2016/NĐ-CP.
B14	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Mẫu Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. 3. Mẫu Đơn đề nghị tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. 4. Mẫu Văn bản đề nghị của Cơ sở đào tạo. 			

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

Căn cứ đề nghị của các cá nhân về việc tham gia tập huấn, để được cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; trên cơ sở xét duyệt Tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 138/2018/NĐ-CP, Nghị định số 70/2022/NĐ-CP và Nghị định số .../2024/NĐ-CP)

Kể từ ngày đến ngày Cơ sở đào tạo ... đã tổ chức tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe theo chương trình tập huấn về nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe theo quy định của Bộ Giao thông vận tải, đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét, tổ chức kiểm tra cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe cho (số lượng) giáo viên đã tham dự tập huấn theo danh sách dưới đây:

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh điện tử	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Giấy phép lái xe			Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm	Hạng	Ngày trúng tuyển	Thâm niên	

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

HIỆU TRƯỞNG
(GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

Kính gửi:

Tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Số định danh điện tử:

Có giấy phép lái xe số: hạng do:

cấp ngày tháng năm

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

25. Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (QT-25)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</p> <p>2. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</p> <p>3. Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT</p> <p>4. Quyết định số 2784/QĐ-BGTVT ngày 29/9/2017 của Bộ GTVT về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	* Trường hợp bị mất, bị hỏng:		
	- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;	X	
	- 01 (một) ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.	X	
	* Trường hợp có sự thay đổi về nội dung:		
	- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;	X	
	- 01 (một) ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.	X	
	- Tài liệu liên quan đến nội dung thay đổi tương ứng, cụ thể		

	như sau:			
	+ Thay đổi tên của cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: Bản sao (có chứng thực hợp pháp) quyết định của cấp có thẩm quyền về việc đổi tên;			X
	+ Thay đổi ngày tháng năm sinh, xuất trình căn cước công dân.			X
	Trường hợp giấy tờ quy định đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Cá nhân hoặc cơ sở đào tạo lái xe	Trong và ngoài giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	- Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư

				01/2018/TT-VPCP;
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh, thẩm định hồ sơ, in Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; Danh sách giáo viên dạy thực hành được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục III, VI Nghị định 65/2016/NĐ-CP.
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; Hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào Giấy chứng nhận)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục III, VI Nghị định 65/2016/NĐ-CP.
B7	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục III, Nghị định 65/2016/NĐ-CP.
B8	Trả kết quả cho cá nhân/cơ sở đào tạo	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-

				VPCP; Phụ lục III, Nghị định 65/2016/NĐ-CP.
B9	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<p>1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p> <p>2. Mẫu Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.</p> <p>3. Mẫu Đơn đề nghị tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.</p>			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

Kính gửi:

Tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Số định danh điện tử:

Có giấy phép lái xe số: hạng do:
cấp ngày tháng năm

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

26. Quy trình Cấp Giấy phép xe tập lái (QT-26)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp giấy phép xe tập lái trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT Hà Nội.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức có nhu cầu thực hiện cấp giấy phép xe tập lái thuộc trách nhiệm của Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ, công chức Phòng Quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ, công chức tại Bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội; 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo quy định tại mẫu phụ lục VIII Nghị định 65/2016/NĐ-CP	X	
	- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).	X	X
<i>(Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ tương ứng theo quy định).</i>			
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo.		

3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc (Quy trình thực hiện khi đã kiểm tra xe tập lái cùng với việc kiểm tra cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo)			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công 	Tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ. 	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	-Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B3	<ul style="list-style-type: none"> Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử 	Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	-Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	- Lãnh đạo phòng	1 giờ	-Mẫu số 05 Phụ lục

		Quản lý phương tiện và người lái		kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B5	- Thẩm định hồ sơ.	Chuyên viên phòng Quản lý phương tiện và người lái	2 giờ	- Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B6	In giấy phép xe tập lái, trình lãnh đạo phòng ký giấy phép xe tập lái, hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào giấy phép)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Quản lý phương tiện và người lái	3 giờ	- GP xe tập lái hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B7	Bàn giao kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý phương tiện và người lái	1 giờ	- GP xe tập lái hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B8	Trả kết quả cho Tổ chức (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Chuyên viên Bộ phận một cửa kiểm tra đối chiếu bản giấy hồ sơ trước khi trả kết quả và chuyển bản giấy hồ sơ cho phòng Quản lý phương tiện và người lái)	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- GP xe tập lái hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP

B9	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	-Mẫu số 05, 06 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái. 3. Giấy phép xe tập lái. 			

MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI
CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CƠ SỞ ĐÀO TẠO Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trường (Trung tâm) đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATK&BVMT		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

27. Quy trình Cấp lại Giấy phép xe tập lái (QT-27)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép xe tập lái trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT Hà Nội.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các cơ sở đào tạo triển khai thực hiện cấp lại giấy phép xe tập lái hoặc bổ sung xe tập lái thuộc trách nhiệm của Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ, công chức Phòng Quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ, công chức tại Bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo quy định tại mẫu phụ lục VIII Nghị định 65/2016/NĐ-CP	x	
	- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).	x	x
<i>(Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ tương ứng theo quy định).</i>			
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		

3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công 	Cơ sở đào tạo	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn cơ sở đào tạo bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ. 	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	-Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B3	<ul style="list-style-type: none"> Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử 	Chuyên viên Bộ phận một cửa	2 giờ	-Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý phương tiện và người lái	2 giờ	-Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên phòng Quản lý phương tiện và người lái	1 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số

				01/2018/TT-VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B6	Kiểm tra thực tế xe tập lái	Chuyên viên phòng Quản lý phương tiện và người lái	1/2 ngày làm việc	Biên bản kiểm tra xe tập lái hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B7	In giấy phép xe tập lái, trình lãnh đạo phòng ký giấy phép xe tập lái, hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào giấy phép)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Quản lý phương tiện và người lái	1/2 ngày làm việc	- GP xe tập lái hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B8	Bàn giao kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý phương tiện và người lái	1/2 ngày làm việc	- GP xe tập lái hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho cơ sở đào tạo (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Chuyên viên Bộ phận một cửa kiểm tra đối chiếu bản giấy hồ sơ trước khi trả kết quả và chuyển bản giấy hồ sơ cho phòng QLPT&NL)	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- GP xe tập lái hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP

B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	-Mẫu số 05, 06 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái. 3. Giấy phép xe tập lái.			

MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CƠ SỞ ĐÀO TẠO **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trường (Trung tâm) đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)

28. Quy trình Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô (QT-28)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô.		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức có nhu cầu cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</p> <p>2. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024;</p> <p>3. Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p> <p>4. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định;	X	
	- Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);		X
	- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);		X
	- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính).		X
	Trường hợp Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe,		

	Giấy đăng ký xe đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	- Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư

				01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra xét cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra xét cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô
B7	Tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở đào tạo lái xe.	Tổ kiểm tra có tên trong Quyết định	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XI, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B8	Thẩm định kết quả kiểm tra.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B9	In: Giấy phép đào tạo lái xe ô tô;	Chuyên viên - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP

B10	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Giấy phép đào tạo lái xe ô tô; Hoàn thiện kết quả (lấy số, đóng dấu vào Giấy phép)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B11	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B12	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B13	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none"> Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. Mẫu Báo cáo đề nghị cấp Giấy pháp đào tạo lái xe; Mẫu Giấy phép đào tạo lái xe ô tô; 			

MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:

Địa chỉ liên lạc:

.....

Điện thoại: Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập số ngày / / của

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm loại xe (xe con, xe tải tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số ngày / / của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được học sinh, lái xe loại

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại, thời gian đào tạo tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m²), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định đề báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:

- Số lượng giáo viên dạy thực hành:

DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Môn học giảng dạy	Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sur phạm					
1	2	3	4	5									
1													
2													
3													
...													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
3							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích: m².

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

29. Quy trình Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo (QT-29)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo.		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cơ sở đào tạo lái xe có nhu cầu cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</p> <p>2. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024;</p> <p>3. Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p> <p>4. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ <i>(chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp phép gần nhất)</i>	Bản chính	Bản sao
	- Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định;	X	
	- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);		X
	- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính).		X
	Trường hợp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, Giấy đăng ký xe đã được tích hợp vào tài khoản định		

	danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- Thời hạn kiểm tra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Thời hạn cấp Giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-

				VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra xét cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra xét cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô.
B7	Tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở đào tạo lái xe.	Tổ kiểm tra có tên trong Quyết định	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XI, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B8	Thẩm định kết quả kiểm tra.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B9	In: Giấy phép đào tạo lái xe ô tô;	Chuyên viên - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B10	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Giấy phép đào tạo lái xe ô tô; Hoàn thiện kết quả (lấy số, đóng dấu vào Giấy	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ;

	pháp)			Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B11	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B12	Trả kết quả cho cơ sở đào tạo	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B13	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Mẫu Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe; 3. Mẫu Giấy phép đào tạo lái xe ô tô; 			

MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE
CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CƠ SỞ ĐÀO TẠO Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:

Địa chỉ liên lạc:

.....

Điện thoại: Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập số ngày / / của

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm loại xe (xe con, xe tải tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số ngày / / của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được học sinh, lái xe loại

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại, thời gian đào tạo tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m²), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp... (đối chiếu với quy định đề báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:

- Số lượng giáo viên dạy thực hành:

DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Môn học giảng dạy	Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sur phạm					
1	2	3	4	5									
1													
2													
3													
...													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
3							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích: m².

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

30. Quy trình Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác (QT-30)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cơ sở đào tạo lái xe có nhu cầu cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</p> <p>2. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024;</p> <p>3. Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p> <p>4. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô và nêu rõ lý do hỏng, mất hoặc nội dung cần thay đổi;	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		

	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Cơ sở đào tạo lái xe	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	In: Giấy phép đào tạo lái xe ô tô;	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư

				01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B7	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Giấy phép đào tạo lái xe ô tô; Hoàn thiện kết quả (lấy số, đóng dấu vào Giấy phép)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B9	Trả kết quả cho cơ sở đào tạo	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

4	BIỂU MẪU
	<ol style="list-style-type: none">1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.2. Mẫu Giấy phép đào tạo lái xe ô tô

31. Quy trình Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2 (QT-31)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức có nhu cầu chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</p> <p>2. Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</p> <p>3. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024;</p> <p>4. Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p> <p>5. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Văn bản đề nghị;	X	
	- Quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền đối với nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ) trừ các dự án không phải phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở	X	

	lên) (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);			
	- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể;	X		
	- Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);			X
	- Hồ sơ thiết kế hình sát hạch, bản kê khai loại xe cơ giới dùng để sát hạch, loại thiết bị chấm điểm tự động.	X		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Cơ sở đào tạo lái xe	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	- Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng	Bộ phận một cửa -	0,25 ngày	Mẫu số 05,

	chuyên môn	Sở GTVT	làm việc	Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Văn bản chấp thuận; Hoàn thiện kết quả (lấy số, đóng dấu vào văn bản)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Văn bản chấp thuận.
B7	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Văn bản chấp thuận.
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Văn bản chấp thuận.
B9	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II,

	trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC			Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

32. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động (QT-32)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức có nhu cầu cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</p> <p>2. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024;</p> <p>3. Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p> <p>4. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Văn bản đề nghị.	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí		

	Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra cấp

				giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.
B7	Tổ chức kiểm tra thực tế tại trung tâm sát hạch lái xe.	- Tổ kiểm tra có tên trong Quyết định	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Biên bản kiểm tra.
B8	Thẩm định kết quả kiểm tra.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B9	In: Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;	Chuyên viên - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B10	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động; Hoàn thiện kết quả (lấy số, đóng dấu vào Giấy chứng nhận)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B11	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP

B12	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B13	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<p>1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p> <p>2. Mẫu Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động</p>			

33. Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động (QT-33)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với trung tâm sát hạch lái xe có nhu cầu cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</p> <p>2. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024;</p> <p>3. Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p> <p>4. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;	X	
	- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận và nêu rõ lý do hỏng hoặc mất.	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		

3.4	Thời gian xử lý			
	<p>- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Trong thời gian không quá 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị;</p> <p>- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc.</p>			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<p>- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.</p> <p>- Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích</p>			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
3.7.1	Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II,

		GTVT		Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.
B7	Tổ chức kiểm tra thực tế tại trung tâm sát hạch lái xe.	- Tổ kiểm tra có tên trong Quyết định	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Biên bản kiểm tra.
B8	Thẩm định kết quả kiểm tra.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B9	In: Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;	Chuyên viên - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-

				VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ- CP
B10	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động; Hoàn thiện kết quả (lấy số, đóng dấu vào Giấy chứng nhận)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B11	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B12	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B13	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

3.7.2	Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận:			
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Trung tâm sát hạch lái xe	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	- Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	In: Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B7	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Giấy chứng nhận	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II,

	trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động; Hoàn thiện kết quả (lấy số, đóng dấu vào Giấy chứng nhận)	môn, Lãnh đạo Sở GTVT		Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B9	Trả kết quả cho trung tâm sát hạch lái xe	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<p>1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p> <p>2. Mẫu Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động</p>			

34. Quy trình Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (QT-34)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô tại nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội; 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	* Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải bao gồm:		
	Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định	x	
	Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải		x
	Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố	x	x

	định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công - ten – nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử)				
* Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với hộ kinh doanh vận tải gồm:					
	Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;			x	
	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh				x
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội - Nộp trực tuyến trên trang thông tin điện tử: https://qlvt.mt.gov.vn - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. 				
3.6	Phí, lệ phí				
	Không				
3.7	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	
B1	- Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2	
B2	-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện,	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Trong giờ hành chính	Mẫu số 1, mẫu số 2 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP	

	<p>cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC;</p> <p>+ Hoặc tiếp nhận qua cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <p>- Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.</p>			
B3	<p>Bàn giao hồ sơ:</p> <p>+ Hồ sơ bản cứng</p> <p>+ Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử</p>	<p>- Chuyên viên trực một cửa</p> <p>- Chuyên viên phòng QLVT</p>	1 giờ	Mẫu số 5 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	<p>- Kiểm tra hồ sơ, cập nhật dữ liệu, in kết quả. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt.</p> <p>- Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.</p>	Chuyên viên phòng QLVT	2.5 ngày làm việc	<p>- Giấy phép KDVT.</p> <p>- Mẫu số 3 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP</p>
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	05 giờ	<p>- Giấy phép KDVT.</p> <p>- Mẫu số 3 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP</p>
B6	Trình Trưởng phòng ký duyệt	Trưởng phòng	03 giờ	<p>- Giấy phép KDVT (đã được kí duyệt)</p> <p>- Mẫu số 3 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP (đã được kí duyệt)</p>

B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng QLVT; - Văn thư Văn Phòng Sở	01 giờ	- Giấy phép KDVT (đã được đóng dấu) - Mẫu số 3 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên trực 1 cửa	- Chuyên viên phòng QLVT; - Chuyên viên Bộ phận 1 cửa	2 giờ	-Sổ theo dõi hồ sơ
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy đã nộp trên hệ thống dịch vụ công trước khi trả kết quả)	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Giấy phép KDVT. - Mẫu số 3 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	- Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Mẫu số 5 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
2	BIỂU MẪU			
3	1.Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ**

TÊN ĐƠN VỊ
KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/....., ngày tháng năm
GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số:; Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
-
-
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyển cố định, xe buýt, xe taxi) Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau: - Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt). Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

35. Quy trình Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng (QT-35)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	* Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh bao gồm:		
	Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu quy định;	x	
	Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).	x	
	* Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cấp lại Giấy phép		

kinh doanh do bị thu hồi (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải) bao gồm:			
	Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;	X	
	Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;		X
	Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử);	X	X
	Tài liệu chứng minh việc khắc phục đối với vi phạm quy định: (1) Cung cấp bản sao không đúng với bản chính hoặc thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh; (2) Sửa chữa hoặc làm sai lệch dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe trước, trong và sau khi truyền dữ liệu.	X	
* Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi (đối với hộ kinh doanh vận tải) gồm:			
	Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;		
	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;		
	Tài liệu chứng minh việc khắc phục đối với vi phạm quy định: (1) Cung cấp bản sao không đúng với bản chính hoặc thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh; (2) Sửa chữa hoặc làm sai lệch dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe trước, trong và sau khi truyền dữ liệu.		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;		

3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội - Nộp trực tuyến trên trang thông tin điện tử: https://qlvt.mt.gov.vn - Qua Dịch vụ bưu chính công ích 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<ul style="list-style-type: none"> -Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến 	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	<ul style="list-style-type: none"> -Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc tiếp nhận qua cổng Dịch vụ công trực tuyến -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ. 	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Trong giờ hành chính	Mẫu số 01, Mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	<ul style="list-style-type: none"> Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên Bộ phận một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải 	01 giờ	Mẫu số 5 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, in kết quả. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	3.5 ngày làm việc	- Giấy phép Kinh doanh vận tải. -Mẫu số 3 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	05 giờ	- Giấy phép Kinh doanh vận tải.
B6	Trình Trưởng phòng phê duyệt	Trưởng phòng	03 giờ	- Giấy phép Kinh doanh vận tải. (được ký Duyệt)
B7	Đóng dấu kết quả	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải - Văn thư Văn Phòng Sở	1 giờ	- Giấy phép Kinh doanh vận tải.(đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên trực 1 cửa	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải - Chuyên viên Bộ phận một cửa	02 giờ	-Mẫu số 6 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy trước khi trả kết quả)	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép Kinh doanh vận tải
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 5, mẫu số 6 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			

- | |
|---|
| <p>1. Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô</p> <p>2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p> |
|---|

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ**

TÊN ĐƠN VỊ
KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số:; Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
-
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyển cố định, xe buýt, xe taxi) Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau: - Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt). Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

36. Quy trình Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng (QT-36)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<i>Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định</i>	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		

	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội - Nộp trực tuyến trên trang thông tin điện tử: https://qlvt.mt.gov.vn - Qua Dịch vụ bưu chính công ích			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	-Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc tiếp nhận qua cổng Dịch vụ công trực tuyến -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Trong giờ hành chính	Mẫu số 1, mẫu số 2 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	- Chuyên viên Bộ phận một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	01 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, in kết quả. Trình phó	Chuyên viên phòng Quản lý vận	2 ngày làm việc	- Giấy phép Kinh

	trưởng phòng phụ trách phê duyệt. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.	tài		doanh vận tải. -Mẫu số 3 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	04 giờ	- Giấy phép Kinh doanh vận tải.
B6	Trình Trưởng phòng phê duyệt	Trưởng phòng	01 giờ	- Giấy phép Kinh doanh vận tải. (được ký Duyệt)
B7	Đóng dấu kết quả	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải - Văn thư Văn Phòng Sở	01 giờ	- Giấy phép Kinh doanh vận tải.(đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên trực 1 cửa	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải - Chuyên viên Bộ phận một cửa	01 giờ	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy trước khi trả kết quả)	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép Kinh doanh vận tải
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			

- | |
|---|
| <ol style="list-style-type: none">1. Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. |
|---|

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ**

TÊN ĐƠN VỊ
KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số:; Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
-
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyển cố định, xe buýt, xe taxi) Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau: - Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
11. Mẫu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt). Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

37. Quy trình Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hoá thông thường và xe taxi tải) (QT-37)

1	<p>MỤC ĐÍCH Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hoá thông thường và xe taxi tải).</p>
2	<p>PHẠM VI - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp phù hiệu kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hoá thông thường và xe taxi tải tại nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh vận tải cho đơn vị. Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định có nhu cầu sử dụng xe trung chuyển nội hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu "XE TRUNG CHUYỂN" đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị hoặc Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.</p>
3	<p>NỘI DUNG QUY TRÌNH</p>
3.1	<p>Cơ sở pháp lý</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. - Thông tư số 20/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TTBGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản

	<p>lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ văn bản số 7375/VP-KT ngày 23/8/2016 của Văn phòng UBND Thành phố về việc thực hiện cấp các loại phù hiệu vận tải đường bộ. - Căn cứ Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Căn cứ Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND thành phố về việc bãi bỏ các Quyết định thu phí, lệ phí do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành căn cứ Pháp lệnh Phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/05/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu, biển hiệu theo mẫu quy định	x	
	Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.		x
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		

	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội - Nộp trực tuyến trên trang thông tin điện tử: https://qlvt.mt.gov.vn - Qua Dịch vụ bưu chính công ích 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không thu lệ phí chỉ thu tiền mua phôi ấn chỉ: 2.800 đồng/phù hiệu, (mức thu có thể thay đổi tại từng thời điểm theo giá bán ấn chỉ của Cục Đường bộ Việt Nam).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công 	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	<ul style="list-style-type: none"> -Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ. 	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	<ul style="list-style-type: none"> Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng 	Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư

	+ Hoạch dữ liệu hồ sơ điện tử	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải		01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp phù hiệu. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	6 giờ	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải
B6	Trình Trưởng phòng phê duyệt	Trưởng phòng	1 giờ	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải
B7	Đóng dấu kết quả	- Chuyên viên phòng QLVT - Văn thư Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải
B8	Bàn giao Chuyên viên trực 1 cửa	Chuyên viên phòng QLVT Chuyên viên Bộ phận 1 cửa	2,5 giờ	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy trước khi trả kết quả)	Chuyên viên Bộ phận 1 cửa	Giờ hành chính	Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

4	Biểu mẫu
	<ol style="list-style-type: none">1. Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu, biển hiệu2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**TÊN ĐƠN VỊ**
KDVT:.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị KDVT:

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):

Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại:

Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CĐ, HĐ, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)
1							
2							
...							

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT*(Ký tên, đóng dấu)***Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

(*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

Ghi chú: Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

38. Quy trình Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải) (QT-38)

1	<p>MỤC ĐÍCH Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hoá thông thường và xe taxi tải).</p>
2	<p>PHẠM VI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp lại phù hiệu kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hoá thông thường và xe taxi tải tại nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh vận tải cho đơn vị. Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định có nhu cầu sử dụng xe trung chuyển nội hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu "XE TRUNG CHUYỂN" đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị hoặc Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.
3	<p>NỘI DUNG QUY TRÌNH</p>
3.1	<p>Cơ sở pháp lý</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; - Thông tư số 20/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TTBGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ

	<p>chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ văn bản số 4794/STC-BG ngày 10/8/2016 của Sở tài chính về việc phương án giá cấp các loại phù hiệu vận tải đường bộ do Sở Giao thông vận tải cấp. - Căn cứ văn bản số 7375/VP-KT ngày 23/8/2016 của Văn phòng UBND Thành phố về việc thực hiện cấp các loại phù hiệu vận tải đường bộ. - Căn cứ Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Căn cứ Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND thành phố về việc bãi bỏ các Quyết định thu phí, lệ phí do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành căn cứ Pháp lệnh Phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/05/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu, biển hiệu theo mẫu quy định	x	
	Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.		x
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		

	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội - Nộp trực tuyến trên trang thông tin điện tử: https://qlvt.mt.gov.vn - Qua Dịch vụ bưu chính công ích 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không thu lệ phí chỉ thu tiền mua phôi ấn chỉ: 2.800 đồng/phù hiệu, (mức thu có thể thay đổi tại từng thời điểm theo giá bán ấn chỉ của Cục Đường bộ Việt Nam).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công 	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	<ul style="list-style-type: none"> -Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ. 	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	<ul style="list-style-type: none"> Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng 	Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư

	+ Hoạch dữ liệu hồ sơ điện tử	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải		01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp phù hiệu. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	6 giờ	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải
B6	Trình Trưởng phòng phê duyệt	Trưởng phòng	1 giờ	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải
B7	Đóng dấu kết quả	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải - Văn thư Văn Phòng Sở	0.5 giờ	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải
B8	Bàn giao Chuyên viên trực 1 cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải Chuyên viên Bộ phận 1 cửa	2,5 giờ	-Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy trước khi trả kết quả)	Chuyên viên Bộ phận 1 cửa	Giờ hành chính	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải

B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	Biểu mẫu			
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu, biển hiệu 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 			

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**TÊN ĐƠN VỊ**
KDVT:.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị KDVT:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):
- Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại:
- Đề nghị được cấp: (1).....
- Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CĐ, HĐ, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)
1							
2							
...							

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

(*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

Ghi chú: Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

39. Quy trình Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới (QT-39)

1	<p>Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới</p>		
2	<p>Phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội. 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu	x	
	Giấy phép liên vận ASEAN	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		

	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	-Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	- Bộ phận một cửa - Sở GTVT - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhật dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương

	phòng phụ trách phê duyệt			tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên

				giới, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải - Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới.(đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên trực 1 cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư

	TTHC			01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN
TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD
IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải
To: Department of Transport of..... province

.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ: (Address)
3. Số điện thoại: (Telephone number) Số Fax/Địa chỉ email: (Fax number/Email address)

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: Kindly request Provincial Transport Department of to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle(s):

- Biển số xe (Registration number):
- Giấy phép liên vận ASEAN số (ASEAN Vehicle Cross-border Transport Permit number)được cấp bởi (issued by) vào ngày (on the date of) (dd/mm/yyyy)
- Ngày hết hạn của giấy phép (Expiry date of transport permit): (dd/mm/yyyy)

5. Lý do xin gia hạn (Reason for extension):

.....
.....

(Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of inability to timely return to its Home country))

6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in day(s), from (dd/mm/yyyy) until (dd/mm/yyyy)

7. Chúng tôi xin cam kết (We commit):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for

extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các Hiệp định ASEAN (To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of ASEAN Agreement).

....., ngày ... tháng ... năm

Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn (Applicant name)

Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)

Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
(Driver, vehicle owner or authorized person).

40. Quy trình Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc (QT-40)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (bản chính)	x	
	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định		

3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	-Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B3	Bản giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở GTVT – Chuyên viên phòng QLVT	0,5 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng QLVT	4 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Trung Quốc, - Mẫu số 03 theo Thông tư

				01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Trung Quốc - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng ký Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Trung Quốc, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng QLVT Văn Phòng Sở	0,5giờ	- gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Trung Quốc (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên trực 1 cửa	Chuyên viên phòng QLVT Chuyên viên trực 1 cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Trung Quốc
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06

	thống kê kết quả thực hiện TTHC			theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Đơn đề nghị gia hạn 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence-Freedom-Happiness**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN
TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải
To: Department of Transport of..... province

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
 2. Địa chỉ (Address):
 3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)
 4. Địa chỉ Email (Email address):
 5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class....): ngày (the date of)
 6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (Expiry date of transport permit):
.....
 7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...
 8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày..... đến ngày
- Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until
9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and China on cross-border transport*).

..., ngày ... tháng... năm...
Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn
(Applicant Name)
(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

41. Quy trình Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (QT-41)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương có nhu cầu cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu;	x	
	+ Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		

	<p>- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.</p> <p>- Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích</p>			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	-Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở GTVT; Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; - Mẫu số 03 theo Thông tư

				01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên trực 1 cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào;

B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<p>1. Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào;</p> <p>2. Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào</p> <p>3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p>			

Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIẤY PHÉP

Số:

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ
LÀO

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: Ngày cấp:
Cơ quan cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như

sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....

..., ngày ... tháng... năm...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VẬN TẢI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a) Kinh doanh vận tải hành khách cố định.

- Tuyên khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải du lịch.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

42. Quy trình Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (QT-42)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương có nhu cầu cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu;	x	
	+ Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định		

3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<ul style="list-style-type: none"> -Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến 	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	<ul style="list-style-type: none"> -Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ. 	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	<ul style="list-style-type: none"> Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử 	Bộ phận một cửa - Sở GTVT; Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt 	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và

				Lào; - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; - mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5giờ	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải Chuyên viên Bộ	1 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-

		phận một cửa		VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; 2. Mẫu Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 			

Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIẤY PHÉP

Số:

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ
LÀO

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: Ngày cấp:
 Cơ quan cấp:

5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....

..., ngày ... tháng... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a) Kinh doanh vận tải hành khách cố định.

- Tuyên khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải du lịch.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

43. Quy trình Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (QT-43)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương có nhu cầu cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đối với phương tiện thương mại:		
	+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.	x	
	+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.		x
	+ Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe		x

	khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào).			
- Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:				
	+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.	x		
	+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện.		x	
	+ Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);		x	
	+ Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).		x	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết

				quả
B1	-Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	-Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở GTVT; Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhật dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. - Mẫu số 03

				theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<p>1. Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại; Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào</p> <p>2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p>			

**Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện
phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động
kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào**

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ
NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN PHI
THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI LÀO**

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số ngày cấp cơ quan cấp phép (đối với phương tiện phục vụ các công trình dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào)
5. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số:.....Ngày cấp:.....
6. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										

7. Mục đích chuyến đi:

- a) Công vụ:
c) Hoạt động kinh doanh:

- b) Cá nhân:
d) Mục đích khác:

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện
thương mại**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào số ...ngày cấp

.....
5. Đề nghị Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại
Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam)
Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:Lào)
Cự ly vận chuyển: km
Hành trình tuyến đường:.....
Đã đượcthông báo khai thác tuyến tại công văn số ...ngày ... tháng ... năm

...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

44. Quy trình Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (QT-44)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương có nhu cầu cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đối với phương tiện thương mại:		
	+ Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.	x	
	+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.		x
	+ Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở		x

	Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào).		
	- Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:		
	+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.	X	
	+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;		X
	+ Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);		X
	+ Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).		X
	- Trường hợp Giấy phép liên vận hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu: thành phần hồ sơ theo quy định đối với phương tiện thương mại hoặc phương tiện phi thương mại nêu ở trên.		
	- Trường hợp Giấy phép liên vận hư hỏng, bị mất: - Đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại - Đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại.		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.		

	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	-Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	-Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở GTVT; Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhật dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, và Lào. - Mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, và Lào.

				- Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, và Lào. - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, và Lào. (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng QLVT Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<p>1. Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại; Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào</p> <p>2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p>			

Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ
NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN
PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN
HOẶC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI LÀO**

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số ngày cấp cơ quan cấp phép (đối với phương tiện phục vụ các công trình dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào)
5. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số:.....Ngày cấp:.....
6. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										

7. Mục đích chuyến đi:

- a) Công vụ:
c) Hoạt động kinh doanh:

- b) Cá nhân:
d) Mục đích khác:

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện
thương mại

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào số ...ngày cấp

.....
5. Đề nghị Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào
cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại
Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam)
Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:Lào)
Cự ly vận chuyển: km
Hành trình tuyến đường:.....
Đã đượcthông báo khai thác tuyến tại công văn số ...ngày ... tháng ... năm

...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

45. Quy trình Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào (QT-45)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (bản chính).	x	
	- Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu.	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích 		

3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	-Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở GTVT; Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhật dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-

				VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness****GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT
NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET
NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number):số Fax (Fax number).....
4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào số (Laos – Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ngày (the date of)
5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):....
6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...
7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày ... đến ngày
Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until
8. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Laos on cross-border transport*).

..., ngày ... tháng ... năm ...
Place, (dd/mm/yyyy)

**Người xin gia hạn
(Applicant Name)**
(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

46. Quy trình Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia (QT-46)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (bản chính).	x	
	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.		

	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	-Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở GTVT; Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhật dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt

	từ khi tiếp nhận)			Nam cho phương tiện của Campuchia
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence-Freedom-Happiness**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN
TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET
NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải
To: Department of Transport of..... province

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)
4. Địa chỉ Email (Email address):
5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class....): ngày (the date of)
6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (Expiry date of transport permit):
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày..... đến ngày
Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until
9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and China on cross-border transport*).

..., ngày ... tháng... năm...
Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn
(Applicant Name)
(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

47. Quy trình Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia (QT-47)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu;	x	
	- Giấy phép liên vận Việt Nam, Lào và Campuchia;	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		

	<p>- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.</p> <p>- Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.</p>			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	-Nộp hồ sơ: +Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở GTVT; Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, Campuchia. - Mẫu số 03 theo Thông tư

				01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, Campuchia. - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, Campuchia. - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, Campuchia. (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, Campuchia

B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<p>1. Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam</p> <p>2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p>			

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIẠN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN
TẠI VIỆT NAM**
**REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET
NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải
To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)
4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia số (Laos - Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ngày (the date of)
5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):....
6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)
7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày
Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until
8. Chúng tôi xin cam kết (We commit):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties among Viet Nam, Laos and Cambodia on cross-border transport).

....., ngày ... tháng ... năm ...

Place,.. (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn
(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

48. Quy trình Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (QT-48)

1	<p>Mục đích:</p> <p>Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào – Campuchia.</p>		
2	<p>Phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào – Campuchia. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội. 		
3	<p>Nội dung quy trình</p>		
3.1	<p>Cơ sở pháp lý</p>		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới. - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/04/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/05/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội 		
3.2	<p>Thành phần hồ sơ</p>	<p>Bản chính</p>	<p>Bản sao</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu. 	<p style="text-align: center;">x</p>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoạt động trên tuyến. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh. (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). 		<p style="text-align: center;">x</p>

	- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu.			x	
	- Hợp đồng đối tác giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).				x
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	<p>- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống DVC trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</p> <p>- Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định và xác nhận vào hợp đồng đối tác của đơn vị kinh doanh vận tải.</p>				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<p>- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.</p> <p>- Đăng ký dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://vns.w.gov.vn</p> <p>- Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích</p>				
3.6	Phí, lệ phí				
	Không				
3.7	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	
B1	Nộp hồ sơ : - Nộp hồ sơ trực tiếp - Qua đường bưu chính - Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2	
B2	-Đối với hồ sơ đúng quy định	Chuyên viên Bộ	Giờ hành	Mẫu số 01,	

	<p>tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC;</p> <p>+ Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu chính.</p> <p>- Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.</p>	<p>phận Một cửa (cập nhật thông tin vào hệ thống DVC trực tuyến của Cục Đường bộ Việt Nam trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp, bưu chính)</p>	<p>chính</p>	<p>mẫu số 02 Thông tư 01/2018/TT- VPCP</p>
B3	<p>Bàn giao hồ sơ:</p> <p>- Hồ sơ bản cứng</p> <p>- Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử</p>	<p>- Chuyên viên Bộ phận Một cửa</p> <p>- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải</p>	<p>1 giờ</p>	<p>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT- VPCP</p>
B4	<p>- Kiểm tra hồ sơ, cập nhật dữ liệu, in kết quả. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt.</p> <p>- Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.</p>	<p>Chuyên viên phòng Quản lý vận tải</p>	<p>1,5 ngày làm việc</p>	<p>- Văn bản thông báo.</p> <p>- Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT- VPCP</p>
B4	<p>Phê duyệt hồ sơ và ký nháy</p>	<p>Lãnh đạo phụ trách phòng</p>	<p>1 giờ</p>	<p>- Văn bản thông báo.</p>
B5	<p>Trình Phó Giám đốc phụ trách phê duyệt (hoặc có thể ủy quyền cho Lãnh đạo phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian)</p>	<p>Phó Giám đốc</p>	<p>0,5 giờ</p>	<p>- Văn bản thông báo. (được ký Duyệt)</p>
B6	<p>Đóng dấu kết quả</p>	<p>Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở</p>	<p>0,5 giờ</p>	<p>- Văn bản thông báo. (đã được đóng dấu)</p>

B7	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận Một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận Một cửa	1 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy trước khi trả kết quả)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Văn bản thông báo.
B9	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT- VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<p>1. Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào – Campuchia.</p> <p>2. Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào – Campuchia.</p> <p>3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p>			

Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
VẬN TẢI NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ PHƯƠNG
TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ
CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:
 Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến: ...
 Bến đi: Bến đến:
 Cự ly vận chuyên: km
 Hành trình chạy xe:
5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biên kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

**Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào
và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
VẬN TẢI NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

1. Đặc điểm tuyến

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: km.

Lộ trình:

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến tài (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lữ hành: km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:

b) Lướt về từ Bên xe đến Bên xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

.....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

.....

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:

- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng:

(địa chỉ trang web).

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

49. Quy trình Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (QT-49)

1	<p>Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia.</p>		
2	<p>Phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội. 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới. - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/04/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/05/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu.	x	
	- Văn bản thông báo khai thác tuyến.	x	
	- Ký hiệu phân biệt quốc gia	x	
	- Giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		

	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://vns.w.gov.vn - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<p>Nộp hồ sơ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp - Qua đường bưu chính - Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến 	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	<p>-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu chính. <p>-Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.</p>	Chuyên viên Bộ phận Một cửa (cập nhật thông tin vào hệ thống DVC trực tuyến của Sở Giao thông vận tải trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp, bưu chính)	Giờ hành chính	Mẫu số 01 , mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	<p>Bàn giao hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ bản cứng 	- Chuyên viên Bộ phận Một cửa	1 giờ	Mẫu số 05 Thông tư

	- Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải		01/2018/TT-VPCP (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp)
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, in kết quả. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1,5 ngày làm việc	- Văn bản thông báo. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Lãnh đạo phụ trách phòng	1 giờ	- Văn bản Thông báo.
B5	Trình Phó Giám đốc phụ trách phê duyệt(hoặc có thể ủy quyền cho Lãnh đạo phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian)	Phó Giám đốc	0,5 giờ	- Văn bản Thông báo. (được ký Duyệt)
B6	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Văn bản Thông báo. (đã được đóng dấu)
B7	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận Một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận Một cửa	1 giờ	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy trước khi trả kết quả)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Văn bản thông báo.

B9	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT- VPCP (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT- VPCP
4	BIỂU MẪU			
<p>1. Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào – Campuchia.</p> <p>2. Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào – Campuchia.</p> <p>3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p>				

Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA
VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: *Sở Giao thông vận tải*

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia do Cục Đường bộ Việt Nam cấp số: Ngày cấp:
5. Kể từ ngày/...../.....,(đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
6. Tên tuyến đề nghị ngừng khai thác:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký đóng dấu)

Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
Sở Giao thông vận tải

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../SGTVT-VT

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: ... (tên đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký)

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách theo cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia:

Cục Đường bộ Việt Nam thông báo cho Đơn vị kinh doanh vận tải ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh/thành phố (nơi đi))

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh/thành phố (nơi đến)).

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Sở Giao thông vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

50. Quy trình Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (QT-50)

1	<p>Mục đích:</p> <p>Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào – Campuchia.</p>		
2	<p>Phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào – Campuchia. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội. 		
3	<p>Nội dung quy trình</p>		
3.1	<p>Cơ sở pháp lý</p>		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới. - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/04/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/05/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội 		
3.2	<p>Thành phần hồ sơ</p>	<p>Bản chính</p>	<p>Bản sao</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu. 	<p>x</p>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoạt động trên tuyến. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh. (bản sao có chứng thực hoặc bản sao 		<p>x</p>

	kèm theo bản chính để đối chiếu).			
	- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu.			x
	- Hợp đồng đối tác giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).			x
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<p>- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.</p> <p>- Đăng ký dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://vns.w.gov.vn</p> <p>- Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích</p>			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<p>Nộp hồ sơ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp - Qua đường bưu chính - Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến 	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	<p>-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC;</p>	Chuyên viên Bộ phận Một cửa (cập nhật thông tin vào hệ thống DVC trực tuyến của Sở Giao	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 Thông tư 01/2018/TT-VPCP

	<p>+ Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu chính.</p> <p>- Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.</p>	<p>thông vận tải trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp, bưu chính)</p>		
B3	<p>Bàn giao hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ bản cứng - Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên Bộ phận Một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải 	1 giờ	<p>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT- VPCP (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp)</p>
B4	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ, cập nhật dữ liệu, in kết quả. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định. 	<p>Chuyên viên phòng quản lý vận tải</p>	1,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B4	<p>Phê duyệt hồ sơ và ký nháy</p>	<p>Lãnh đạo phụ trách phòng</p>	1 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo.
B5	<p>Trình Phó Giám đốc phụ trách phê duyệt (hoặc có thể ủy quyền cho Lãnh đạo phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian)</p>	<p>Phó Giám đốc</p>	0,5 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo. (được ký Duyệt)
B6	<p>Đóng dấu kết quả</p>	<p>Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở</p>	0,5 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo. (đã được đóng dấu)
B7	<p>Bàn giao Chuyên viên Bộ phận Một cửa</p>	<p>Chuyên viên phòng Quản lý vận tải;</p>	1 giờ	<p>Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT- VPCP</p>

		Chuyên viên Bộ phận Một cửa		
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy trước khi trả kết quả)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Văn bản thông báo.
B9	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<p>1. Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào – Campuchia.</p> <p>2. Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào – Campuchia.</p> <p>3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p>			

**Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách
cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:
 Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:
 Bến đi: Bến đến:
 Cự ly vận chuyên: km
 Hành trình chạy xe:
5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biên kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA
VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

1. Đặc điểm tuyến

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: km.

Lộ trình:

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến tài (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lữ hành: km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

b) Lướt về từ Bên xe đến Bên xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khoẻ, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-

-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:

- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng:

(địa chỉ trang web).

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

51. Quy trình Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia (QT-51)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam - Lào – Campuchia.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam - Lào – Campuchia. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới. - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/04/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/05/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu.	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		

	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://vns.w.gov.vn - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<p>Nộp hồ sơ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp - Qua đường bưu chính - Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến 	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	<p>-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu chính. <p>-Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.</p>	Chuyên viên Bộ phận Một cửa (cập nhật thông tin vào hệ thống DVC trực tuyến của Sở Giao thông vận tải trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp, bưu chính)	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	<p>Bàn giao hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ bản cứng - Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên Bộ phận Một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải 	1 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp)
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, in kết quả. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo. - Mẫu số 03

	- Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.			Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Lãnh đạo phụ trách phòng	1 giờ	- Văn bản Thông báo.
B5	Trình Phó Giám đốc phụ trách phê duyệt(hoặc có thể ủy quyền cho Lãnh đạo phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian)	Phó Giám đốc	0,5 giờ	- Văn bản Thông báo. (được ký Duyệt)
B6	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Văn bản Thông báo. (đã được đóng dấu)
B7	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận Một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận Một cửa	1 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy trước khi trả kết quả)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Văn bản thông báo.
B9	Thông kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1.Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành			

<p>khách cố định giữa Việt Nam - Lào – Campuchia.</p> <p>2. Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia</p> <p>3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p>
--

Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: *Sở Giao thông vận tải*

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia do Cục Đường bộ Việt Nam cấp số: Ngày cấp:
5. Kể từ ngày//..... , ... (đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến
6. Danh sách/số chuyến xe tăng/giảm tần suất khai thác:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký đóng dấu)

Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ

Sở Giao thông vận tải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../SGTVT-VT

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
TĂNG/ GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi:

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

Cục Đường bộ Việt Nam thông báo cho Đơn vị kinh doanh vận tải tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Số chuyến/xe tăng/giảm khai thác trên tuyến:

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

Sở Giao thông vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

II. HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

1. Quy trình Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh (QT-52)

1	Mục đích: Quy trình này quy định thống nhất trình tự các bước tiến hành thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh công trình nhóm A, B, C thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng - Sở Giao thông vận tải trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
2	Phạm vi: Áp dụng đối các chủ đầu tư hoặc các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao chuẩn bị dự án xây dựng công trình có sử dụng nguồn vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công và vốn khác trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; 2. Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; 4. Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; 5. Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng 5. Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; 6. Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng Hà Nội; 7. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND Thành phố;		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (Tờ trình do Chủ đầu tư đề nghị)	01	
2	Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi và các tài liệu, văn	01	

	bản pháp lý kèm theo, cụ thể		
a	Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư;	01	
b	Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu);	01	
c	Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyến; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng;	01	
d	Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường); Các thủ tục về phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở theo cơ chế một cửa liên thông khi thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thì chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;	01	
đ	Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có);	01	
e	Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có);	01	
g	Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết		

	minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;			
h	Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;		01	
i	Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).		01	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	<p>- <i>Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Dự án nhóm A không quá 32 ngày; + Dự án nhóm B không quá 22 ngày; + Dự án nhóm C không quá 12 ngày; <p>Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Qua Dịch vụ bưu chính công ích 			
3.6	Phí, lệ phí			
	Cá nhân, tổ chức, các chủ đầu tư có trách nhiệm nộp phí thẩm định theo giá trị được Sở GTVT thông báo gửi kèm thông báo thẩm định dự án.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả
B1	Nộp hồ sơ đề nghị Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2

	khả thi đầu tư xây dựng			
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0.5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0.5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở GTVT	1.5 ngày	Mẫu số 02 hoặc Mẫu số 03 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP, Biên bản kiểm tra
B6	Soạn thảo văn bản lấy ý kiến thẩm định của các đơn vị liên quan, trình lãnh đạo phòng, ký nháy lên văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở GTVT	1 ngày	Văn bản lấy ý kiến
B7	Trình lãnh đạo Sở ký văn bản (lấy số văn bản sau khi Lãnh đạo Sở ký, đóng dấu vào văn bản)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày	Văn bản lấy ý kiến
B8	Tổng hợp các ý kiến tham gia thẩm định của các đơn vị và tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở GTVT	Nhóm A: 26 ngày Nhóm B: 16 ngày Nhóm C: 6 ngày	Thực hiện nội nghiệp
B9	Thông báo Thẩm định	Chuyên viên, Lãnh	01 ngày	Mẫu số 02

	Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (bao gồm cả nội dung cần hoàn thiện nếu có).	đạo phòng chuyên môn - Sở GTVT		Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
B10	Trình lãnh đạo Sở ký văn Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, hoàn thiện kết quả (lấy số văn bản sau khi Lãnh đạo Sở ký, đóng dấu vào văn bản)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1 ngày	Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
B11	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	11h00 hoặc 16h30 hàng ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B12	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Thông báo thẩm định, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	<p>1. Văn bản đề nghị Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng</p> <p>2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.</p> <p>4. Thông báo kết quả Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Các biểu mẫu theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)</p>			

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.
2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:
 - Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
 - Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng).
 - Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.
3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:
 - Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);

- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
 - Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).
- (Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

Mẫu số 02**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ XÂY DỰNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo kết quả thẩm
định báo cáo nghiên cứu khả
thi ĐTXD dự án...

Kính gửi: (Tên đơn vị trình).

(Cơ quan chuyên môn về xây dựng) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của..... trình
thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo
Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số
62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số... /2021/NĐ-CP ngày ... tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy
định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thông báo kết quả thẩm định báo
cáo nghiên cứu khả thi (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có)
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:
(*Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án*)
2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):
3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định
được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Tổ chức trình
thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.
2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).
4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.
5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.
6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu:....

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

2. Quy trình Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh (QT-53)

1	Mục đích: Quy trình này ban hành nhằm quy định thống nhất trình tự giải quyết thủ tục hành chính nâng cao hiệu suất, năng lực làm việc của công chức thuộc phòng chuyên môn, phân định rõ thời gian, trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh công trình giao thông trên địa bàn thành phố thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.		
2	Phạm vi Quy trình này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, chủ đầu tư dự án và các cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải khi thực hiện thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh đối với công trình giao thông đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng Hà Nội. - Quyết định số 3315/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 của UBND thành phố Hà Nội thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
A	Văn bản pháp lý		
	- Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (theo Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).	X	
	- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình,		X

	Quyết định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình (nếu có) kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt, điều chỉnh.		
	- Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có).		X
	- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng (theo Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP) của Nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu).	X	
	- Văn bản thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu).		X
	- Kết quả thực hiện thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường).		X
	- Đối với điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư phải nộp Báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng).	X	
	- Các văn bản pháp lý khác liên quan.		X
B	Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư, dự toán		
	- Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt.	X	
	- Hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định.	X	
	- Hồ sơ dự toán xây dựng, dự toán xây dựng (điều chỉnh) đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng.	X	
	- Các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng (nếu có).		X
	- Báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).	X	
C	Hồ sơ năng lực của các nhà thầu		
	- Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra.		X
	- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng, chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra.		X
	- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ (chưa bao gồm hồ sơ gửi xin ý kiến phối hợp)		

3.4	Thời gian xử lý			
	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Không quá 39 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt. - Không quá 29 ngày đối với công trình cấp II và cấp III. - Không quá 19 ngày đối với công trình còn lại.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Qua Dịch vụ bưu chính công ích			
3.6	Phí, lệ phí			
	Thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài Chính (Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 và các văn bản liên quan khác).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu /Kết quả
B1	<p>Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (sau đây viết tắt là CCBPTN&TKQ) tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ và xử lý như sau:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết hoặc hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ theo quy định, CCBPTN&TKQ hướng dẫn CĐT. Nếu CĐT yêu cầu có văn bản trả lời hoặc hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính, CCBPTN&TKQ lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ hoặc Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ gửi CĐT.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đã hợp lệ, CCBPTN&TKQ tiếp nhận hồ sơ, nhập thông tin vào phần mềm điện tử và số theo dõi hồ sơ. lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả kèm theo danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định và giao, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả</p>	- Bộ phận TN&TKQ	Có văn bản hướng dẫn hoặc chuyển hồ sơ: 0,5 ngày	Mẫu số 03; Mẫu số 02 <i>(Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</i>
				Mẫu số 01; Mẫu số 05; Mẫu số 06 <i>(Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</i>

	<p>kết quả cho CĐT.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ, CCBPTN&TKQ lập phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, sổ theo dõi hồ sơ và bàn giao hồ sơ, phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ cho Phòng QLCL ngay trong ngày. Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ được chuyển theo hồ sơ.</p>			
B2	<p>Kiểm tra chất lượng hồ sơ, phân công thụ lý hồ sơ:</p> <p>Trưởng phòng phân công cán bộ, chuyên viên thẩm định (sau đây gọi tắt là CVTĐ) tiếp nhận kiểm tra theo quy định</p>	- Phòng chuyên môn	01 ngày	<p>- Mẫu số 05 (<i>Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>).</p> <p>- Thông báo hoàn thiện, bổ sung hồ sơ</p>
	<p>- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ, không đúng thẩm quyền, không thuộc thẩm quyền thẩm định, CVTĐ thảo văn bản trình Lãnh đạo phòng ký tắt (0,5 ngày), trình Lãnh đạo Sở ký (1 ngày) gửi văn thư sở vào sổ văn bản (0,5 ngày) trước khi gửi lại Phòng. Chuyên viên phòng gửi BPTN&TKQ kèm theo hồ sơ đã nộp để trả lại cho CĐT kèm theo văn bản xin lỗi của BPTN&TKQ (nếu là lỗi của CCBPTN&TKQ). Kết quả thực hiện phải được các cán bộ chuyên viên ký bàn giao vào Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được nhập vào mục trả kết quả trong sổ theo dõi hồ sơ, phần mềm điện tử BPTN&TKQ.</p>	<p>- Phòng chuyên môn</p> <p>- Bộ phận TN&TKQ</p>	<p>3,5 ngày (<i>Trong đó thời gian xử lý của Lãnh đạo Phòng 0,5 ngày. Lãnh đạo Sở 1 ngày</i>)</p>	<p>- Mẫu số 04; Mẫu số 06 (<i>Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>).</p>
	<p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện để giải quyết, CVTĐ thảo văn bản Thông báo hoàn thiện, bổ sung hồ sơ nêu rõ lý do và các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (thông báo một lần), thực hiện thẩm tra (nếu có) trình Lãnh đạo phòng ký tắt (0,5 ngày), trình Lãnh đạo Sở ký (1</p>	<p>- Phòng chuyên môn</p> <p>- Bộ phận TN&TKQ</p>	<p>3,5 ngày (<i>Trong đó thời gian xử lý của Lãnh đạo Phòng 0,5 ngày. Lãnh đạo Sở 1</i></p>	

	<p>ngày) gửi văn thư sở vào sổ văn bản (0,5 ngày) trước khi gửi lại Phòng. Chuyên viên Phòng gửi BPTN&TKQ để liên hệ thông báo tới CĐT. CĐT hoàn chỉnh hồ sơ và nộp bổ sung tại BPTN&TKQ trước khi chuyển lại cho phòng. CCBPTN&TKQ phối hợp với CVTĐ rà soát, kiểm tra hồ sơ nộp bổ sung của CĐT trước khi nhận.</p> <p><i>Thời gian để CĐT hoàn thiện bổ sung hồ sơ không quá 20 ngày theo quy định khoản 2 điều 38 Nghị định 15/2021/NĐ-CP</i></p> <p><i>Thời gian thực hiện thẩm tra thiết kế dự toán trong thời gian thẩm định và không quá thời gian mục 3.4</i></p>		ngày)	
B3	Giải quyết hồ sơ (tổ chức thẩm định)			
	<p>1) Lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan, thực hiện thẩm tra (nếu có):</p> <p>Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc từ ngày Sở tiếp nhận hồ sơ (có thể thực hiện đồng thời bước hoàn thiện bổ sung hồ sơ, thực hiện thẩm tra), CVTĐ thảo văn bản gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định, báo cáo Phó phòng được phân công theo dõi kiểm tra thống nhất nội dung văn bản, Trưởng phòng ký tắt (0,5 ngày), trình Lãnh đạo Sở ký (1 ngày) gửi văn thư sở vào sổ văn bản (0,5 ngày) trước khi gửi lại Phòng. CV Phòng bàn giao văn bản lấy ý kiến liên thông, hồ sơ cho BPTN&TKQ để gửi liên ngành và gửi văn bản cho các cá nhân và tổ chức có liên quan ngay sau khi bộ phận văn thư Sở phát hành.</p> <p>- Trường hợp cần lấy ý kiến của các đơn vị thuộc Sở, CVTĐ thảo văn bản được Lãnh đạo Phòng</p>	<p>- Phòng chuyên môn</p> <p>- Bộ phận TN&TKQ</p>	<p>3,5 ngày (Trong đó thời gian xử lý của Lãnh đạo Phòng 0,5 ngày. Lãnh đạo Sở 1 ngày)</p>	<p>- Văn bản lấy ý kiến phối hợp.</p> <p>- Văn bản đề nghị (gửi nội bộ).</p> <p>- Biên bản bàn giao hồ sơ.</p> <p>- Văn bản đề nghị thực hiện thẩm tra</p>

<p>QLCL ký (báo cáo Lãnh đạo Sở chỉ đạo). CV phòng ký nhận bàn giao và cung cấp hồ sơ tài liệu liên quan đến Phòng chuyên môn gửi lấy ý kiến.</p> <p><i>Thời gian có văn bản trả lời của các Sở ngành, đơn vị không quá 7 ngày làm việc. không quá 15 ngày làm việc đối với công việc phức tạp có liên quan. thời gian tham gia ý kiến của các phòng ban thuộc sở không quá 3 ngày làm việc.</i></p>			
<p>2) Thực hiện thẩm định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CVTĐ thẩm định thiết kế, dự toán theo những nội dung quy định tại theo quy định tại khoản 2 Điều 83a của Luật số 62/2020/QH14) (bao gồm cả việc tổng hợp kết quả thẩm tra và các ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có). - CVTĐ dự thảo văn bản thông báo Kết quả thẩm định theo mẫu và thông báo phí thẩm, báo cáo Lãnh đạo phòng ký tắt (0,5 ngày), Lãnh đạo Sở ký (01 ngày), văn thư sở vào sổ văn bản (0,5 ngày) trước khi gửi lại Phòng. <p>Trong trường hợp dự thảo văn bản cần hoàn chỉnh theo chỉ đạo của Lãnh đạo Sở, CVTĐ tiếp nhận dự thảo và hoàn chỉnh văn bản, báo cáo Lãnh đạo Phòng để trình Lãnh đạo Sở ký chính thức.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả thực hiện phải được các cán bộ chuyên viên ký bàn giao, ký Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được nhập vào mục trả kết quả trong sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm điện tử tại BPTN&TKQ 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng chuyên môn 	<p>Thời gian thẩm định quy định tại Mục 3.4 đã bao gồm thời gian thực hiện tại B2, B3 và xin ý kiến</p> <p><i>(Trong đó thời gian xử lý của Lãnh đạo Phòng 0,5 ngày. Lãnh đạo Sở 1 ngày).</i></p> <p><i>Chưa bao gồm thời gian để CĐT hoàn thiện bổ sung hồ sơ không quá 20 ngày</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo kết quả thẩm định thiết kế sau TKCS - Mẫu Thông báo nộp phí thẩm định
<p>3) Tạm dừng thẩm định và dừng thẩm định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng chuyên môn - Bộ phận 	<p>Thời gian quy định tại Mục 3.4</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản tạm dừng thẩm định - Văn bản

	TN&TKQ		dùng thẩm định
<p>B4 Trả kết quả giải quyết hồ sơ</p> <p>- CV phòng ghi chép, hoàn chỉnh đầy đủ nội dung Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ trong quá trình thụ lý hồ sơ. Trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc từ khi Thông báo kết quả thẩm định và thông báo nộp phí được phát hành, CV phòng ký, bàn giao Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, thông báo kết quả thẩm định và thông báo phí thẩm định cho BPTN&TKQ để thực hiện việc thu phí thẩm định và trả kết quả cho Chủ đầu tư.</p> <p>- Đối với các hồ sơ đã quá hạn giải quyết, CVTĐ có văn bản nêu rõ lý do quá hạn và thời hạn trả kết quả lần sau thông qua Phó phòng được phân công theo dõi kiểm tra, thống</p>	<p>- Phòng chuyên môn</p> <p>- Bộ phận TN&TKQ</p>	0,5 ngày	<p>- Mẫu số 04; Mẫu số 06 (<i>Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>).</p>

	<p>nhất nội dung văn bản, Trưởng phòng ký tắt, trình Lãnh đạo Sở ký đề xin lỗi Chủ đầu tư.</p> <p>- Kết thúc quá trình giải quyết hồ sơ CCBPTN&TKQ, CVVT hoàn thiện đầy đủ các nội dung thống kê, theo dõi trong Danh mục tổng hợp kết quả xử lý công việc và các nội dung khác theo nhiệm vụ được giao</p>			
B5	<p>Đóng dấu bản vẽ, lưu trữ hồ sơ</p> <p>CVTĐ lập danh mục hồ sơ lưu trữ, Thực hiện theo quy trình đóng dấu hồ sơ, chịu trách nhiệm rà soát thể thức, thành phần hồ sơ và lưu trữ tài liệu theo quy định.</p>	<p>Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông</p>		
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Văn bản lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có) 2. Thông báo hoàn thiện bổ sung hồ sơ (nếu có) 3. Văn bản đề nghị (gửi nội bộ Phòng chuyên môn Sở) (nếu có) 4. Văn bản đề nghị thực hiện thẩm tra (nếu có) 5. Thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. 6. Thông báo phí thẩm định (nếu có) 7. Văn bản tạm dừng thẩm định (nếu có) 8. Văn bản dừng thẩm định (nếu có) 9. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP. 			

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGTVT-QLCLCTGT
V/v lấy ý kiến thẩm định thiết kế -
dự toán triển khai sau thiết kế cơ
sở dự án (tên dự án).

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: (Tên các cơ quan, đơn vị cần lấy ý kiến)

(Ngày/tháng/năm), Sở Giao thông vận tải nhận được Tờ trình (số tờ trình) (ngày/tháng/năm) của (tên chủ đầu tư/cơ quan nộp) về việc thẩm định thiết kế - dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở dự án (tên dự án).

Căn cứ các Luật:.....

Căn cứ các của Chính phủ:.....

Căn cứ các văn bản liên quan khác.

Sở Giao thông vận tải xin gửi hồ sơ dự án, đề nghị Quý cơ quan xem xét, cho ý kiến về các nội dung theo chức năng quản lý và những nội dung liên quan như sau:

1..

2..

3..

...

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét, cho ý kiến thẩm định bằng văn bản, gửi Sở Giao thông vận tải (Địa chỉ: 258 Võ Chí Công phường Xuân La quận Tây Hồ, Hà Nội) trước ngày...../...../năm (tính theo thời gian quy định). Trường hợp quá thời hạn trên, nếu Quý Cơ quan không có ý kiến, Giao thông vận tải sẽ thực hiện thẩm định dự án theo quy định, xem như Quý Cơ quan đã đồng ý và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình./.

Nơi nhận:

- Như trên.

-

- Lưu: ...

(SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Thứ tự 1, 2, 3.... Nêu tên cơ quan, đơn vị, nội dung đề nghị góp ý theo chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị đó.

**UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SGTVT-QLCLCTGT
V/v thông báo hoàn thiện bổ sung
hồ sơ thiết kế, dự toán triển khai
bước sau thiết kế cơ sở dự án
(tên dự án).

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

(tên cơ quan đơn vị) nhận được hồ sơ kèm theo tờ trình số..... của Chủ đầu tư về việc trình thẩm định thiết kế - dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở.

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

- Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng Luật số 62/2020/QH14 17/6/2020.

- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Căn cứ Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, để có cơ sở tổ chức thẩm định, đề nghị chủ đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn nghiên cứu làm rõ, bổ sung một số nội dung sau :

- Về cơ sở pháp lý dự án . thành phần hồ sơ .

- Phối hợp các đơn vị liên quan làm rõ khả năng đấu nối hạ tầng kỹ thuật, về nguồn vốn và khả năng bố trí vốn,

- Nội dung hồ sơ thiết kế (nêu các yêu cầu hoàn thiện), ...

....

Sau khi hoàn thiện các nội dung nêu trên, đề nghị Chủ đầu tư tổng hợp hồ sơ gửi về (tên cơ quan đơn vị) để tiếp tục thẩm định. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

Trên đây là một số ý kiến của (tên cơ quan đơn vị) về việc hoàn thiện bổ sung hồ sơ thiết kế - dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở./.

Nơi nhận:

- Như trên.

-

- Lưu:

(CƠ QUAN THẨM ĐỊNH)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu)

**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
PHÒNG QLCL CTGT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà nội, ngày tháng năm

Kính gửi: Phòng: *(Phòng lấy ý kiến)*

Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông nhận được hồ sơ thiết kế và dự toán công trình *(tên công trình)* theo nội dung đề nghị thẩm định của *(tên chủ đầu tư)* tại Tờ trình số *(số tờ trình)*. Để có cơ sở tổ chức thẩm định, Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông xin gửi hồ sơ, đề nghị các Phòng, nghiên cứu và cho ý kiến về những nội dung của dự án theo chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể là:

-.....

Ý kiến thẩm định xin gửi về Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông trước ngày *(theo số ngày qui định)* để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Sở Thông báo Kết quả thẩm định thiết kế theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ gửi kèm theo:

TRƯỞNG PHÒNG

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGTVT-QLCLCTGT
V/v thực hiện thẩm tra (TKXD
triển khai sau TKCS), dự toán xây
dựng công trình (*tên công trình*).

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: « Cơ quan trình thẩm định TKXD công trình »

(*tên cơ quan đơn vị*) nhận được hồ sơ thiết kế công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng« Tên dự án »..... kèm theo Tờ trình số ngày của « Cơ quan trình thẩm định TKXD công trình ». Sau khi nghiên cứu hồ sơ, để có đầy đủ cơ sở thẩm định theo quy định, (*tên cơ quan đơn vị*) đề nghị Chủ đầu tư nghiên cứu đầy đủ những quy định về việc thẩm định thiết kế xây dựng công trình trong đó lưu ý thực hiện một số nội dung chủ yếu như sau::

1. Chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định với một số nội dung sau :

2. Tổ chức thẩm tra thiết kế công trình:

- Lựa chọn đơn vị tư vấn thẩm tra (TKXD triển khai sau TKCS), dự toán xây dựng công trình: Chủ đầu tư lựa chọn và kí hợp đồng với tổ chức, cá nhân có chức năng tư vấn thẩm tra được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng phù hợp với loại và cấp công trình theo quy định. Trường hợp tổ chức, cá nhân tư vấn thẩm tra chưa đăng ký công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng thì phải được cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng chấp thuận bằng văn bản.

- Nội dung thẩm tra: Đơn vị tư vấn thẩm tra thực hiện thẩm tra TKXD triển khai sau TKCS theo nội dung quy định tại Điều 83a của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, trong đó đơn vị tư vấn thẩm tra phải kết luận cụ thể được các nội dung như sau:

+ Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng, điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế.

+ Sự phù hợp của Thiết kế xây dựng với Thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

+ Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp yêu cầu phải kiểm tra thiết kế theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật số 62/2020/QH14.

+ Sự tuân thủ quy định của pháp luật về việc xác định dự toán xây dựng.

+ Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

+ Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan

3. Gửi hồ sơ tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cho ý kiến, thẩm định, thẩm duyệt theo quy định có pháp luật có liên quan làm cơ sở tổng hợp theo quy định khoản 24 điều 1 Luật Xây dựng số 62

4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn:

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lựa chọn và kí kết hợp đồng tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng công trình đồng thời theo dõi và thực hiện hợp đồng.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm đôn đốc tổ chức tư vấn thẩm tra và các cá nhân chủ trì thẩm tra liên hệ với Sở Giao thông vận tải để được hướng dẫn thực hiện thẩm tra thiết kế xây dựng công trình theo quy định của pháp luật. thực hiện đầy đủ các lưu ý (tại các văn bản góp ý ở bước dự án - nếu có tồn tại).

- Kết thúc quá trình thực hiện đơn vị tư vấn thẩm tra có trách nhiệm tổng hợp, lập Báo cáo kết quả thực hiện theo quy định, lập hồ sơ điều kiện năng lực của tổ chức và các cá nhân chủ trì. Chủ đầu tư có trách nhiệm đánh giá đối với Báo cáo kết quả thẩm tra do tư vấn thực hiện, gửi về Sở Giao thông vận tải trước ngày/...../20... (15 ngày đối với công trình cấp II,III/ 10 ngày đối với công trình còn lại) để xem xét, thẩm định. Sau thời điểm nêu trên nếu chưa hoàn thành công tác thẩm tra, chủ đầu tư có trách nhiệm giải trình, gia hạn bằng văn bản gửi Sở Giao thông vận tải, trong đó nêu rõ thời gian hoàn thành, quá thời gian gia hạn Sở Giao thông vận tải sẽ tạm dừng việc thẩm định, chủ đầu tư trình thẩm định lại theo quy định.

- Trong quá trình thẩm tra, trường hợp hồ sơ thiết kế có những lỗi, sai sót dẫn đến không thể đưa ra kết luận, chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định. Trong thời hạn 20 ngày nếu những lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục hoặc chủ đầu tư chưa bổ sung hoàn thiện hồ sơ theo các nội dung nêu tại văn bản này, Sở Giao thông vận tải sẽ tạm dừng việc thẩm định, chủ đầu tư trình thẩm định lại theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

Đề nghị Chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện các nội dung nêu trên. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc cần liên hệ với (tên cơ quan đơn vị) để được hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên.

-

- Lưu:

TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VỀ XÂY DỰNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

Kính gửi:.....

(Cơ quan chuyên môn về xây dựng) đã nhận Tờ trình số ngày tháng... năm ... của đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (nếu có) (tên công trình) thuộc dự án đầu tư

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14.

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định.

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của tổ chức tư vấn, cá nhân.

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp công trình:
3. Tên dự án đầu tư xây dựng:
4. Địa điểm xây dựng:
5. Chủ đầu tư:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng (nếu có):
9. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
10. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

11. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan trong hồ sơ trình)

2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế, thẩm tra:

(Liệt kê các hồ sơ trình thẩm định)

3. Năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình:

Liệt kê: Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra. Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng, chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra. Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có)

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Tóm tắt giải pháp thiết kế chủ yếu về: Kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình và các nội dung khác (nếu có).

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:
2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế:
3. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định:
4. Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp yêu cầu phải thẩm tra thiết kế theo quy định.
5. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường:
6. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan:
7. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế (nếu có):

V. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH (*áp dụng cho công trình có yêu cầu thẩm định dự toán*)

1. Nguyên tắc thẩm định:
2. Ý kiến thẩm định:
 - 2.1 Về sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định dự toán xây dựng công trình; các căn cứ pháp lý để xác định dự toán xây dựng công trình;
 - 2.2. Sự phù hợp của dự toán xây dựng công trình với tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt; phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình;
 - 2.3. Về sự phù hợp của nội dung dự toán xây dựng công trình với quy định pháp luật áp dụng cho dự án;
 - 2.4. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về việc áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và các công cụ cần thiết khác theo quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố;
3. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện dự toán xây dựng (nếu có):

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để trình phê duyệt.
- Yêu cầu, kiến nghị đối với chủ đầu tư (nếu có).

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu:

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGTVT-QLCLCTGT
V/v nộp phí thẩm định thiết kế
xây dựng triển khai sau thiết kế cơ
sở công trình (*tên công trình*).

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: (*Tên chủ đầu tư/cơ quan nộp*)

(*Ngày/tháng/năm*), Sở Giao thông vận tải nhận được Tờ trình (*số tờ trình*) (*ngày/tháng/năm*) của (*tên chủ đầu tư/cơ quan nộp*) về việc thẩm định thiết kế - dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở dự án (*tên dự án*).

Căn cứ Thông tư số/.../TT-BTC của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.

Căn cứ các văn bản liên quan khác của Bộ tài chính.

Căn cứ Văn bản số (*số thông báo kết quả thẩm định*) (*ngày/tháng/năm*) của Sở Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình (*tên dự án*).

Sở Giao thông vận tải thông báo phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở với nội dung chính như sau:

- Tên dự án:

- Chủ đầu tư:

- Phí thẩm định: (*diễn giải cách tính*) = đồng

Làm tròn: đồng

(*Bằng chữ:*).

- Phí thẩm định thiết kế xây dựng công trình, đề nghị Chủ đầu tư nộp vào tài khoản của Sở Giao thông vận tải Hà Nội theo hình thức chuyển khoản với các thông tin sau:

+ Nội dung chuyển khoản: nộp phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình (*tên dự án*).

+ Tên đơn vị thụ hưởng: Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

+ Địa chỉ: Khu liên cơ quan, số 258 Võ Chí Công, phường Xuân La, quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

+ Mã ĐVQHNS: 1059361.

+ Tài khoản: 3511.0.1059361 Tại Kho bạc Nhà nước Thành Phố Hà Nội.

Sở Giao thông vận tải xin thông báo để (*tên chủ đầu tư/cơ quan nộp*), thực hiện nộp phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên.

-

- Lưu:

(SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI)

(*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu*)

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / SGTVT-QLCLCTGT
V/v thông báo tạm dừng thẩm
định thiết kế, dự toán/thiết kế, dự toán
điều chỉnh.....

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: *(Tên chủ đầu tư)*

(tên cơ quan đơn vị) đang thực hiện thẩm định thiết kế dự toán triển khai sau thiết kế công trình thuộc « Tên dự án »..... kèm theo Tờ trình số ngày của « Cơ quan trình thẩm định TKXD công trình ».

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

- Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng Luật số 62/2020/QH14 17/6/2020.

- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Trong quá trình thẩm định *(tên cơ quan đơn vị)* phát hiện thấy *(phương pháp tính toán, tải trọng, mô tả bản vẽ, sơ đồ... - nêu rõ nguyên nhân)* trong nội dung hồ sơ *(nêu rõ lý do)* dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Bằng văn bản này Sở Giao thông vận tải tạm dừng thẩm định dự án, đề nghị chủ đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn nghiên cứu *(nêu các yêu cầu hoàn thiện)*, gửi về Sở Giao thông vận tải để tiếp tục thẩm định. Trong thời gian không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được văn bản này nếu các sai sót nêu trên không thể khắc phục được thì Sở Giao thông vận tải dừng việc thẩm định, đề nghị Chủ đầu tư trình thẩm định lại dự án theo quy định.

Trên đây là ý kiến của *(tên cơ quan đơn vị)* về việc tạm dừng thẩm định thiết kế - dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở công trình thuộc « Tên dự án », đề chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện./.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên.
-
- Lưu:

TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / SGTVT-QLCLCTGT
V/v dừng thẩm định thiết kế triển khai
sau thiết kế cơ sở công trình.....

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: Tên Chủ đầu tư

(*tên cơ quan đơn vị*) nhận được tờ trình số.....ngày 22/01/2021 của (Chủ đầu tư) về việc thẩm định thiết kế- dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở công trình thuộc dự án. Để có cơ sở tổ chức thẩm định, ngày/...../2021 Sở Giao thông vận tải có văn bản số...../ SGTVT-QLCLCTGT về việc hoàn thiện bổ sung hồ sơ thiết kế- dự toán thuộc dự án. Tuy nhiên, đến nay chủ đầu tư chưa hoàn thiện các nội dung hồ sơ/ hoặc chưa gửi hồ sơ hoàn thiện bổ sung hồ sơ về (*tên cơ quan đơn vị*) do vậy chưa có cơ sở xem xét giải quyết.

Với những nội dung tồn tại nêu trên, hồ sơ trình thẩm định thiết kế - dự toán chưa đủ cơ sở để giải quyết và trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định. (*tên cơ quan đơn vị*) thông báo dừng thẩm định hồ sơ thiết kế - dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở để Chủ đầu tư biết, khẩn trương thực hiện.

Trong quá trình hoàn thiện nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ với (*tên cơ quan đơn vị*) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu: VT, (..... 06b).

TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu)

III. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương (QT-54)

1	Mục đích: Quy trình này ban hành nhằm quy định thống nhất trình tự giải quyết thủ tục hành chính nâng cao hiệu suất, năng lực làm việc của công chức thuộc phòng chuyên môn, phân định rõ thời gian, trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về việc đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
2	Phạm vi Quy trình áp dụng đối với các Chủ đầu tư xây dựng công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng và công trình xây dựng sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu của Sở Giao thông vận tải; áp dụng với cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải khi thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 707/QĐ-BXD ngày 07/7/2023 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 4758/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Phụ lục VIa Nghị định 06/2021/NĐ-CP.	X	
	2. Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo Phụ lục VIb Nghị định 06/2021/NĐ-CP		

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí: Không có.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu /Kết quả
B1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ 1) Chuyển hồ sơ đề nghị Trước 15 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt hoặc trước 10 ngày đối với công trình còn lại so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng, chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng	- Chủ đầu tư		Theo mục 3.2
	2) Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (sau đây viết tắt là CCBPTN&TKQ) tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ và xử lý như sau:	- Bộ phận TN&TKQ	0,5 ngày	
	- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết hoặc hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ theo quy định, CCBPTN&TKQ hướng dẫn CĐT. Nếu CĐT yêu cầu có văn bản trả lời hoặc hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính, CCBPTN&TKQ lập Phiếu từ chối			Mẫu số 03; Mẫu số 02 (<i>Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>).

	tiếp nhận giải quyết hồ sơ hoặc Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ gửi CĐT.			
	<p>- Trường hợp hồ sơ đã hợp lệ, CCBPTN&TKQ tiếp nhận hồ sơ, nhập thông tin vào phần mềm điện tử và sổ theo dõi hồ sơ; lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả kèm theo danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định và giao, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho CĐT.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ, CCBPTN&TKQ lập phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, sổ theo dõi hồ sơ và bàn giao hồ sơ, phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ cho Phòng QLCL ngay trong ngày. Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ được chuyển theo hồ sơ.</p>			Mẫu số 01; Mẫu số 05; Mẫu số 06 <i>(Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</i>
B2	Xử lý hồ sơ			
	<p>1) Phân công thụ lý hồ sơ Trưởng phòng phân công cán bộ, chuyên viên thụ lý hồ sơ, tham mưu giải quyết</p>	- Phòng chuyên môn	01 ngày	Mẫu số 05 <i>(Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</i>
	<p>2) Thực hiện kiểm tra - Chuyên viên được phân công giải quyết thủ tục hành chính tiến hành xem xét, tham mưu lập kế hoạch tổ chức kiểm tra. Dự thảo văn bản đề nghị phối hợp kiểm tra (nếu cần). - Tổ chức kiểm tra: Hồ sơ hoàn thành công trình và kiểm tra hiện trường theo kế hoạch (kết quả kiểm tra được lập thành biên bản) - Dự thảo Văn bản kiểm tra/ Thông báo kết quả kiểm tra theo quy định, báo cáo Lãnh đạo phòng ký tắt (0,5 ngày), Lãnh đạo Sở ký (01 ngày), văn thư sỏ vào sổ văn bản (0,5 ngày) trước khi gửi lại Phòng. Trong trường hợp dự thảo văn bản</p>	- Phòng chuyên môn	Thời gian thẩm định quy định tại Mục 3.4 đã bao gồm thời gian thực hiện tại các bước khác và xin ý kiến <i>(Trong đó thời gian xử lý của Lãnh đạo Phòng 0,5 ngày. Lãnh đạo Sở 1</i>	- Mẫu số 05 <i>(Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</i> - Văn bản phối hợp (nếu có). - Văn bản kiểm tra; Thông báo kết quả kiểm tra

	<p>cần hoàn chỉnh theo chỉ đạo của Lãnh đạo Sở, chuyên viên tiếp nhận dự thảo và hoàn chỉnh văn bản, báo cáo Lãnh đạo Phòng để trình Lãnh đạo Sở ký chính thức.</p> <p>- Kết quả thực hiện phải được các cán bộ chuyên viên ký bàn giao, ký Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được nhập vào mục trả kết quả trong sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm điện tử tại BPTN&TKQ</p>		ngày)	
B3	Trả kết quả giải quyết hồ sơ			
	<p>- Chuyên viên ghi chép, hoàn chỉnh đầy đủ nội dung Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ trong quá trình thụ lý hồ sơ. Trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc từ khi Văn bản kiểm tra/ Thông báo kết quả kiểm tra được phát hành, chuyên viên ký, bàn giao Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, văn bản kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra cho BPTN&TKQ để trả kết quả cho Chủ đầu tư.</p> <p>- Đối với các hồ sơ đã quá hạn giải quyết, chuyên viên có văn bản nêu rõ lý do quá hạn và thời hạn trả kết quả lần sau thông qua Phó phòng được phân công theo dõi kiểm tra, thống nhất nội dung văn bản, Trưởng phòng ký tắt, trình Lãnh đạo Sở ký để xin lỗi Chủ đầu tư.</p> <p>- Kết thúc quá trình giải quyết hồ sơ CCBPTN&TKQ, chuyên viên hoàn thiện đầy đủ các nội dung thống kê, theo dõi trong Danh mục tổng hợp kết quả xử lý công việc và các nội dung khác theo nhiệm vụ được giao</p>	<p>- Phòng chuyên môn</p> <p>- Bộ phận TN&TKQ</p>	0,5 ngày	<p>- Mẫu số 04; Mẫu số 06 (<i>Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>).</p>
4	BIỂU MẪU			
	1. Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng.			

- | |
|---|
| <ol style="list-style-type: none">2. Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình.3. Văn bản lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan.4. Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.5. Văn bản kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng6. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP. |
|---|

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi:(2).....

.....(1)..... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng(3)..... thuộc dự án.....
2. Địa điểm xây dựng:
3. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp:
4. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
5. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
7. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
8. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
9. Báo cáo về các điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
10. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Chủ đầu tư cam kết đã tổ chức thi công xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt, giấy phép xây dựng (hoặc căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật); tập hợp hồ sơ hoàn thành công trình đầy đủ và tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị(2)....tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

- (1) Tên của chủ đầu tư.
- (2) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.
- (3) Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc phần công trình trong trường hợp đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu từng phần công trình.

DANH MỤC HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

Hạng mục công trình / Công trình:

Thuộc dự án:

Chủ đầu tư / Đại diện chủ đầu tư:

I. HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG

STT	Danh mục hồ sơ, tài liệu	Tài liệu đã có	Ghi chú
1.	Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có).		
2.	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.		
3.	Nhiệm vụ thiết kế, các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.		
4.	Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có).		
5.	Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn cho các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.		
6.	Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.		
7.	Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.		
8.	Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.		
9.	Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.		
10.	Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng.		

II. HỒ SƠ KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

STT	Danh mục hồ sơ, tài liệu	Tài liệu đã có	Ghi chú
1.	Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.		
2.	Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.		
3.	Kết quả thăm tra, thăm định thiết kế xây dựng; quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình kèm theo: hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo); chỉ dẫn kỹ thuật.		
4.	Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.		
5.	Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.		

III. HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

STT	Danh mục hồ sơ, tài liệu	Tài liệu đã có	Ghi chú
1.	Danh mục các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình và các văn bản thăm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền.		
2.	Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).		
3.	Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình.		
4.	Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.		
5.	Các kết quả quan trắc (nếu có), đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công.		
6.	Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận hoặc giai đoạn công trình (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.		
7.	Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).		
8.	Hồ sơ quản lý chất lượng của thiết bị lắp đặt		

STT	Danh mục hồ sơ, tài liệu	Tài liệu đã có	Ghi chú
	vào công trình.		
9.	Quy trình vận hành, khai thác công trình (nếu có); quy trình bảo trì công trình.		
10.	Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: a) Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa; b) An toàn phòng cháy, chữa cháy; c) An toàn môi trường; d) An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ; đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng); e) Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan; g) Văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng, quản lý phát triển đô thị về việc hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan của dự án theo kế hoạch xây dựng nêu tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định, phê duyệt; h) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.		
11.	Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).		
12.	Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.		
13.	Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.		
14.	Văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (nếu có).		
15.	Các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (nếu có).		
16.	Các hồ sơ/văn bản/tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.		

Ghi chú:

- Danh mục hồ sơ, tài liệu thực hiện theo Phụ lục số VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Đối với các mục, khoản mục cột “Tài liệu đã có” trong danh sách không được phép để trống, trường hợp không có tài liệu phải ghi “không có” hoặc “không yêu cầu”.

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGTVT-QLCLCTGT

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v: tham gia phối hợp kiểm tra
công tác nghiệm thu công trình
thuộc dự án (tên dự án).

Kính gửi: (Tên các cơ quan, đơn vị cần lấy ý kiến)

(Ngày/tháng/năm), Sở Giao thông vận tải nhận được Báo cáo (số báo cáo) (ngày/tháng/năm) của (tên chủ đầu tư/cơ quan nộp) về Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án (tên dự án).

Căn cứ các Luật:.....;

Căn cứ các của Chính phủ:.....;

Căn cứ các văn bản liên quan khác.

Sở Giao thông vận tải đề nghị Quý cơ quan cử cán bộ tham gia phối hợp kiểm tra và cho ý kiến bằng văn bản về hiện trạng chất lượng các hạng mục công trình và sự tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình theo chức năng quản lý, cụ thể:

1..

2..

...

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét, cho ý kiến thẩm định bằng văn bản, gửi Sở Giao thông vận tải (Địa chỉ: 258 Võ Chí Công phường Xuân La quận Tây Hồ, Hà Nội) trước ngày...../...../năm (tính theo thời gian quy định). Trường hợp quá thời hạn trên, nếu Quý Cơ quan không có ý kiến, Giao thông vận tải sẽ tổng hợp, thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của chủ đầu tư theo quy định, xem như Quý Cơ quan đã đồng ý và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: ...

(SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI)
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Thứ tự 1, 2, 3.... Nêu tên cơ quan, đơn vị, nội dung đề nghị góp ý theo chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị đó.

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm....

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi :.....(2)....

Căn cứ..... (3)

Căn cứ giấy phép xây dựng số ... (đối với trường hợp công trình xây dựng phải có giấy phép xây dựng);

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và các hồ sơ thiết kế điều chỉnh (nếu có) được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của chủ đầu tư số.....; báo cáo khắc phục tồn tại của chủ đầu tư số... (nếu có); biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình số.....;

Căn cứ văn bản chấp thuận nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số(nếu có);

Căn cứ các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

..... (1)chấp thuận kết quả nghiệm thu (4).....của
..... (2).....đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình:(5)....

b) Địa điểm xây dựng:

c) Loại và cấp công trình.

d) Mô tả các thông số chính của công trình.

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư

a) Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

b) Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng, thiết kế được duyệt.

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ/NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN

(Ký, ghi họ chức vụ và đóng dấu pháp
nhân)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

(2) Tên của chủ đầu tư.

(3) Văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

(4) Nghiệm thu hoàn thành hoặc nghiệm thu có điều kiện, nghiệm thu một phần theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

Biểu mẫu số 5

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

V/v kiểm tra công tác nghiệm thu
đưa vào sử dụng ...*(Tên công
trình/hạng mục công trình)*...

Kính gửi: ... *(Tên của chủ đầu tư)* ...

Căn cứ ... (Văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng) ... ;

Sau khi kiểm tra, Sở Giao thông vận tải thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình/hạng mục công trình trước khi đưa vào sử dụng như sau:

1. Thông tin về công trình

- Tên công trình/hạng mục công trình.
- Địa điểm xây dựng.
- Loại và cấp công trình.
- Mô tả các thông số chính của công trình.
- Các chủ thể tham gia xây dựng.

2. Hiện trạng chất lượng của công trình xây dựng: *Nhận xét về hiện trạng chất lượng của công trình/ hạng mục công trình.*

3. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật: *Nhận xét về sự tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình/ hạng mục công trình theo quy định.*

4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án và các đơn vị liên quan.

5. Kết luận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

... (Sở Giao thông vận tải)...

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Phụ lục 3**DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

STT	Thứ tự Quy trình nội bộ bị bãi bỏ tại Quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên quy trình nội bộ
I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ		
1.	Số 04, Quy trình QT.04-05.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế
2.	Số 05, Quy trình QT.05-05.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế
3.	Số 01, Quy trình QT.01-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động
4.	Số 06, Quy trình QT.06-05.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp mới Giấy phép lái xe
5.	Số 07, Quy trình QT.07-09.2020 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 4507/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép lái xe
6.	Số 01, Quy trình QT.01-05.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3432/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp
7.	Số 02, Quy trình QT.02-05.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp
8.	Số 03, Quy trình QT.03-05.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp

9.	Số 05, Quy trình QT.05-09.2020 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 4507/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp
10.	Số 06, Quy trình QT.06-09.2020 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 4507/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam
11.	Số 52, Quy trình QT-52 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu
12.	Số 53, Quy trình QT-53 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn
13.	Số 57, Quy trình QT-57 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng
14.	Số 54, Quy trình QT-54 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
15.	Số 55, Quy trình QT-55 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất
16.	Số 58, Quy trình QT-58 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố
17.	Số 60, Quy trình QT-60 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
18.	Số 59, Quy trình QT-59 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến
19.	Số 56, Quy trình QT-56 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
20.	Số 15, Quy trình QT-15 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

	Thành phố Hà Nội	
21.	Số 16, Quy trình QT-16 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia
22.	Số 17, Quy trình QT-17 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
23.	Số 18, Quy trình QT-18 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
24.	Số 21, Quy trình QT-21 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
25.	Số 22, Quy trình QT-22 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe)
26.	Số 19, Quy trình QT-19 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép xe tập lái
27.	Số 20, Quy trình QT-20 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép xe tập lái
28.	Số 25, Quy trình QT-25 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô
29.	Số 27, Quy trình QT-27 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo
30.	Số 26, Quy trình QT-26 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác
31.	Số 02, Quy trình QT.02-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động

32.	Số 09, Quy trình QT-09 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
33.	Số 01, Quy trình QT-01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng
34.	Số 02, Quy trình QT-02 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng
35.	Số 03, Quy trình QT-03 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)
36.	Số 04, Quy trình QT-04 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)
37.	Số 01, Quy trình QT-01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới
38.	Số 07, Quy trình QT-07 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc

39.	Số 11, Quy trình QT-11 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
40.	Số 12, Quy trình QT-12 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
41.	Số 13, Quy trình QT-13 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào
42.	Số 14, Quy trình QT.14 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào
43.	Số 10, Quy trình QT-10 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào
44.	Số 08, Quy trình QT-08 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia
45.	Số 09, Quy trình QT-09 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia
46.	Số 05, Quy trình QT-05 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
47.	Số 03, Quy trình QT-03 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
48.	Số 02, Quy trình QT-02 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
49.	Số 04, Quy trình QT-04 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia
II	HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG	

1	Số 18, Quy trình QT18-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 10/2/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
2	Số 19, Quy trình QT19-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 10/2/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở
III	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	
1	Số 03, Quy trình QT-03 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở GTVT trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)